

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

**TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG
GIAI ĐOẠN ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM THEO
PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Cao Thị Oanh

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.	8
1.2. Các giai đoạn trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.	14
1.3. Các điều kiện đảm bảo hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.	17
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.	23
2.1. Quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.	23
2.2. Những hạn chế bất cập của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.....	43
2.3. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.	54
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.	63
3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.	63
3.2. Các giải pháp bảo đảm hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.....	68
KẾT LUẬN.....	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng Hình sự
HTND	Hội thẩm nhân dân
HĐXX	Hội đồng Xét xử
TAND	Tòa án Nhân dân
TANDTC	Tòa án Nhân dân Tối cao
VKS	Viện Kiểm sát
VKSND	Viện Kiểm sát Nhân dân
XHCN	Xã hội Chủ nghĩa
CHXHCNVN	Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người là những giá trị được ghi nhận và bảo vệ trong Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật do nhà nước ban hành thể hiện sự quan tâm coi trọng và cam kết bảo vệ những giá trị của quyền con người, quyền công dân. Một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân là chủ trương đẩy mạnh cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Mục tiêu của chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã được chỉ ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị là: "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao".

Theo định hướng trên, nâng cao chất lượng xét xử các loại án, đặc biệt là án hình sự được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược cải cách tư pháp. Để nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự, việc áp dụng đúng đắn, chính xác và đầy đủ các quy định của luật tố tụng hình sự là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu. Trong hoạt động tố tụng hình sự, việc Tòa án trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát để điều tra bổ sung khi có các căn cứ theo quy định Khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng hình sự là chế định cần thiết đảm bảo cho việc xét xử thật sự khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị.

Để đáp ứng yêu cầu đó, điều quan trọng là phải tuân thủ trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Trong giải quyết vụ án hình sự thủ tục tố tụng hình sự gồm 05 giai đoạn: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Các giai đoạn trong tố tụng hình sự đều có vai trò rất quan trọng. Kết

quả hoạt động tố tụng của giai đoạn khởi tố, điều tra làm cơ sở nền tảng cho giai đoạn truy tố và kết quả hoạt động của giai đoạn truy tố làm cơ sở cho giai đoạn xét xử. Tuy nhiên trong quá trình điều tra không phải lúc nào cũng đầy đủ và chính xác để Viện kiểm sát truy tố bị can trước tòa bằng bản cáo trạng. Để đảm bảo việc xác định sự thật của vụ án, xét xử đúng người đúng tội, pháp luật tố tụng hình sự còn quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc quy định chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thể hiện tính chế ước và tính phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bên cạnh những ưu điểm đáng ghi nhận, thực tiễn hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án các cấp nói chung và Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, một đơn vị có số lượng giải quyết các vụ án khá lớn trong toàn quốc nói riêng, thời gian qua cũng còn những hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức như trả hồ sơ không đúng, không trúng, không đủ căn cứ, trả hồ sơ nhiều lần dẫn đến việc giải quyết một số vụ án kéo dài, gây lãng phí thời gian, công sức, tài sản của Nhà nước và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn, trên cơ sở nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, từ đó tìm ra nguyên nhân và kiến nghị một số giải pháp khắc phục tình trạng trên là một yêu cầu cấp thiết góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay nhằm nâng cao chất lượng đồng thời hạn chế thấp nhất số lượng việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo đúng quan điểm của Đảng.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, dựa vào các phân tích về ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề cần nghiên cứu, tác giả chọn đề tài: *"Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hải Phòng"* làm luận văn Thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu về đề tài trả hồ sơ để điều tra bổ sung như: Luận văn Thạc sỹ luật "Trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo

pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định của tác giả Nguyễn Văn Hải (Học viện Khoa học xã hội, năm 2014), Luận văn Thạc sỹ luật: “Trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả Dương Phạm Đăng Khoa (Học Viện khoa học xã hội, năm 2014). Tạp chí TAND số 5 tháng 3/2003 “Bàn về việc trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung” của tác giả Nguyễn Phúc Lưu, Tạp chí Kiểm sát số 11/2006; “Bàn về quy định Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong điều kiện cải cách tư pháp” của tác giả Mai Văn Lư, Tạp chí Kiểm sát số 11/2010, "Bàn về chế định Trả hồ sơ để điều tra bổ sung" của tác giả Nguyễn Quang Lộc, Tạp chí TAND số 8 tháng 4/2013; "Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung" của tác giả Vũ Gia Lâm. Trong các công trình trên, ở mức độ này hay mức độ khác vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được đề cập đến, nhất là các căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thủ tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc việc xem xét tính hợp lý, cần thiết của chế định này trong điều kiện xây dựng Nhà nước Pháp quyền. Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của toà án cấp sơ thẩm dẫn đến tình trạng hiểu và áp dụng pháp luật hình sự còn chưa thống nhất, gặp nhiều vướng mắc khi áp dụng và còn tồn tại nhiều vấn đề chưa được giải quyết đầy đủ triệt để. Tác giả nghiên cứu đề tài này nhằm góp phần nâng cao chất lượng trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nói riêng và hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Qua nghiên cứu, đề tài đi sâu phân tích những nội dung và giải pháp nâng cao chất lượng trong việc ra các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong giải quyết vụ

án hình sự giữa cơ quan tiến hành tố tụng và kiến nghị các biện pháp để hạn chế trả hồ sơ điều tra bổ sung trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để giải quyết mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài làm rõ vấn đề sau:

- Nghiên cứu làm rõ vấn đề lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa cơ quan tiến hành tố tụng, đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện các quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

- Phân tích, đánh giá thực trạng về những ưu điểm đã đạt được và những nhược điểm trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND thành phố Hải Phòng trong thời gian qua; tìm hiểu về các nguyên nhân dẫn đến Toà án phải trả hồ sơ cũng như việc ban hành các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung chưa đúng quy định của pháp luật.

- Phân tích và đề xuất những giải pháp trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của TAND thành phố Hải Phòng trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là:

- Những vấn đề lý luận trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự .

- Thực trạng trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND thành phố Hải Phòng.

- Những nguyên nhân của ưu điểm và những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND thành phố Hải Phòng.

- Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND thành phố Hải Phòng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Trong phạm vi là một luận văn thạc sĩ đề tài chỉ nghiên cứu những nội dung lý luận về vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự, thực tiễn áp dụng quy định này của TAND thành phố Hải Phòng. Đề tài khái quát những vấn đề chung của các giai đoạn áp dụng pháp luật trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ việc thụ lý hồ sơ, nghiên cứu các tình tiết cụ thể của vụ án đến việc phát hiện các căn cứ, lựa chọn quy phạm pháp luật điều chỉnh, từ đó ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc ra yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa xét xử công khai, không đi sâu phân tích các trình tự, thủ tục tố tụng khác.

Mốc thời gian nghiên cứu của đề tài là việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND thành phố Hải Phòng trong những năm gần đây (từ năm 2011 đến năm 2015).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài này là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp quyền; đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng Nhà nước và pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở nước ta; các quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp trong các Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 01/02/2002 về "Nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong tư pháp trong thời gian tới" và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" của Bộ Chính trị. Cương lĩnh năm 2011 Đảng ta xác định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” với tinh thần mới, bao hàm các kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn CNXH hiện thực trên phạm vi thế giới, cũng như từ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung của Cương lĩnh năm 2011 là một minh chứng kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng nền dân chủ XHCN và “Nhà

nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, bảo vệ quyền công dân và quyền con người.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật, về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp, quyền con người, về đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Luận văn sử dụng một số phương pháp tiếp cận để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, đó là các phương pháp nghiên cứu như: So sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê. Đồng thời, tác giả sử dụng những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm của ngành TAND, tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; nghiên cứu các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tổng hợp các tri thức khoa học pháp luật tố tụng hình sự và các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

- Luận văn được nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành và khái quát những đặc điểm của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, đánh giá những tiêu chí, chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động này. Đồng thời, đề ra được các giải pháp cơ bản, thiết thực cho việc nâng cao chất lượng hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận văn là công trình nghiên cứu về hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND thành phố Hải Phòng. Những kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung và phát triển lý luận, phục vụ yêu cầu thực tiễn trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong việc xét xử án hình sự của ngành TAND trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự

Chương 2: Quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Chương 3: Các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.1.1. Khái niệm hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm

Để nghiên cứu chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trước hết cần nắm rõ khái niệm về hồ sơ vụ án hình sự. Hồ sơ vụ án hình sự là một tập tài liệu bao gồm hệ thống các văn bản được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và được sắp xếp theo một trình tự nhất định phục vụ cho việc xét xử vụ án hình sự. Hồ sơ được hình thành từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Cơ quan điều tra thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội hoàn tất hồ sơ và chuyển cho Viện kiểm sát với đề nghị truy tố. Kết quả đúng đắn của hoạt động điều tra phục vụ cho việc truy tố và xét xử chính xác đúng pháp luật.

Theo từ điển tiếng Việt: Điều tra là hoạt động tìm tòi xét hỏi người, việc để tìm cho ra sự thật. Điều tra mang tính chất pháp lý, điều tra là giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án.

Theo từ điển tiếng Việt “bổ sung” có nghĩa là thêm vào cho đầy đủ. Để đảm bảo cho việc truy tố và xét xử đúng đắn, các chứng cứ trong hồ sơ vụ án phải đầy đủ và bảo đảm đúng thủ tục tố tụng. Nếu hồ sơ còn thiếu những chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội, vi phạm tố tụng nghiêm trọng thì Viện kiểm sát hoặc Tòa án sẽ yêu cầu điều tra bổ sung.

Theo giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của trường Đại học Cảnh sát nhân dân: “Điều tra bổ sung là hoạt động điều tra thêm về vụ án hình sự của cơ

quan Điều tra theo yêu cầu của Viện kiểm sát hay Tòa án nhằm phát hiện, thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án được đúng đắn khách quan” trả hồ sơ để điều tra bổ sung là việc Tòa án chuyển trả hồ sơ cho Viện kiểm sát hoặc Viện kiểm sát chuyển trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.

Theo từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam thì điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự được hiểu là: “Hoạt động điều tra thêm về vụ án hình sự sau khi kết thúc điều tra và thực hiện trong trường hợp Viện kiểm sát hoặc Tòa án sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án mà phát hiện thấy còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án, hoặc có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hay có người đồng phạm khác, hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”.

Như vậy, việc tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có thể hiểu là quá trình khắc phục những vi phạm về thủ tục tố tụng nếu có đồng thời để làm rõ bổ sung những chứng cứ còn yếu, còn thiếu chứ không phải là quá trình điều tra lại. Bởi lẽ điều tra lại là hoạt động điều tra theo trình tự thủ tục của BLTTHS do cơ quan điều tra tiến hành đối với các vụ án đã được xét xử nhưng do tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm tái thẩm hủy bản án chưa có hiệu lực pháp luật hoặc bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại theo thủ tục chung. Khác với điều tra lại, hậu quả pháp lý của điều tra bổ sung là cơ quan bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải tiếp tục nhận lại hồ sơ vụ án và xem xét thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung của cơ quan đã ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

Trong tố tụng hình sự Việt Nam chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được thực hiện ở giai đoạn truy tố hoặc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự là một chế định pháp lý được quy định tại Điều 179 và Khoản 2 Điều 199 BLTTHS năm 2003.

Điều 179 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.*”

1. *Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong các trường hợp sau đây:*

a) *Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được;*

b) *Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác.*

c) *Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.*

Những vấn đề cần điều tra bổ sung phải được nêu rõ trong quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

2. *Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới việc đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Toà án biết.*

Trong trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Toà án yêu cầu bổ sung và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Điều 199 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Việc ra bản án và các quyết định của Toà án.*

1...

2. *Quyết định về việc thay đổi thành viên của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch, chuyển vụ án, yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình hoặc đình chỉ vụ án và việc bắt giam hoặc trả tự do cho bị cáo phải được thảo luận và thông qua tại phòng nghị án và phải được lập thành văn bản”[21].*

Điều 179 BLTTHS quy định về việc Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, những căn cứ để Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung bao gồm: Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được; khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Khoản 2 Điều 199 BLTTHS quy định HĐXX trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên toà. Đây là quyền năng pháp

lý của Tòa án được thực hiện khi có căn cứ cho rằng việc điều tra, truy tố các vụ án hình sự còn thiếu sót, chưa đảm bảo khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 179 BLTTHS chỉ quy định căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa; Khoản 2 Điều 199 BLTTHS không quy định cụ thể căn cứ để HĐXX sơ thẩm yêu cầu điều tra bổ sung. Tuy nhiên, nghiên cứu tổng thể các quy định của BLTTHS và qua thực tiễn áp dụng pháp luật thấy rằng Điều 179 BLTTHS cũng chính là căn cứ để HĐXX trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm có đặc điểm sau:

Một là: Chủ thể trả hồ sơ để điều tra bổ sung là Thẩm phán hoặc HĐXX của Tòa án cấp sơ thẩm.

Hai là: Chủ thể tiếp nhận hồ sơ Tòa án trả để điều tra bổ sung là VKS nơi ra quyết định truy tố (Cáo trạng).

Ba là: Căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có các căn cứ quy định tại Điều 179 BLTTHS (Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác; khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng).

Việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung có mục đích, ý nghĩa nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội. Qua việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đánh giá những nguyên nhân của những vấn đề đã làm được và những tồn tại. Một mặt, vừa kịp thời sửa chữa, khắc phục những tồn tại, mặt khác tích lũy thêm những kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

Như vậy, khái niệm hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự có thể được hiểu như sau: Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự là việc Tòa án cấp sơ thẩm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa quyết định trả lại hồ sơ vụ án hình sự cho

Viện kiểm sát nơi ra quyết định truy tố để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, cụ thể là Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa (ở giai đoạn chuẩn bị xét xử) và Hội đồng xét xử (tại phiên tòa) khi thấy có các căn cứ theo quy định tại Điều 179 BTTTHS thì có quyền ra quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan, đúng pháp luật.

Thứ hai, trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tiến hành theo một thủ tục chặt chẽ do pháp luật tố tụng hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật (Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Thông tư liên tịch của các cơ quan tiến hành tố tụng) quy định. Quy trình trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải đảm bảo chặt chẽ cả về mặt thủ tục, nội dung và hình thức văn bản (quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung) theo đúng quy định trong BLTTHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

Thứ ba, trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một hoạt động mang tính quyền lực của nhà nước đồng thời cũng thể hiện mối quan hệ phối hợp và chế ước giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nhằm đảm bảo tính đúng đắn, khách quan, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Thứ tư, trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một hoạt động mang tính khoa học và sáng tạo do Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện. Trong khuôn khổ của pháp luật cho phép, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân áp dụng pháp luật, dựa vào trí tuệ và niềm tin nội tâm của mình để áp dụng pháp luật.

Thứ năm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là quyết định áp dụng pháp luật (Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung). Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay mà không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm như một số quyết định tố tụng khác.

1.1.3. Vai trò của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm

Vai trò của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất: Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là nhằm đảm bảo việc xác định sự thật khách quan của vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội. Qua hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng có điều kiện đánh giá, tìm ra được những nguyên nhân của những việc đã làm được cũng như những tồn tại trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ đó có biện pháp để kịp thời sửa chữa, khắc phục những sai sót đồng thời tích lũy thêm được những kinh nghiệm thực tiễn quý báu từ hoạt động điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Nguyên tắc này được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 10 Bộ luật tố tụng hình sự: “Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can bị cáo”

Thứ hai: Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân có vai trò trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng. Trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự có thể nói hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự đã phát huy hiệu quả cao. Tuy nhiên, vẫn có những quy định chưa phản ánh đúng hoặc phản ánh không đầy đủ đòi hỏi của yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, có những quy định đã trở nên lạc hậu và mất đi tính hiệu quả

của mình, có những quy định không thống nhất, dẫn đến áp dụng tùy tiện, có những quy định chưa đầy đủ, chưa được hướng dẫn cụ thể làm cho người áp dụng pháp luật lúng túng. Thông qua thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung có thể phát hiện những bất cập, thiếu sót của pháp luật để từ đó góp phần việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về tố tụng hình sự nói riêng.

Thứ ba, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng là Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án, đồng thời cũng thể hiện quan hệ chế ước giữa các cơ quan này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Sự phối hợp, quan hệ chế ước giữa các cơ quan tiến hành tố tụng càng chặt chẽ, nhịp nhàng thì việc giải quyết vụ án hình sự càng đảm bảo tính đúng đắn, chính xác, khách quan, toàn diện, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

1.2. Các giai đoạn trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là một quá trình phức tạp, phải trải qua các giai đoạn kế tiếp nhau, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau từ việc xác định những tình tiết thực tế khách quan của vụ án, tìm kiếm và phân tích những quy phạm pháp luật thích ứng với vụ án đó đến ra quyết định giải quyết vụ việc và tổ chức kiểm tra thực hiện quyết định ấy trên thực tế. Có thể chia các giai đoạn trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân thành bốn giai đoạn sau:

- Giai đoạn phân tích những tình tiết khách quan và đặc trưng pháp lý của vụ án cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đây là giai đoạn đầu tiên của quá trình trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm. Trong giai đoạn này Thẩm phán (Hội đồng xét xử) cần nghiên cứu khách quan, toàn diện và đầy đủ các tình tiết của vụ án cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm sáng tỏ những sự kiện có liên quan. Trong

một số trường hợp cần thiết, phải sử dụng những biện pháp chuyên môn đặc biệt để xác định tính chính xác của sự kiện (như trung cầu giám định để xác định tình trạng tâm thần của bị can, bị cáo). Việc xem xét các tình tiết của vụ án cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung cũng đòi hỏi phải xác định đặc trưng pháp lý của nó bởi pháp luật không thể được áp dụng với những vụ việc không có đặc trưng pháp lý, ví dụ: Cần xác định những tình tiết thể hiện việc thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà, những tình tiết xác định bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, những tình tiết xác định có việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án làm xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án. Việc xem xét, phân tích trên phải tuân thủ chặt chẽ theo các thủ tục quy định của Tố tụng hình sự.

- Giai đoạn lựa chọn các quy phạm pháp luật tương ứng để giải quyết việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Sau khi xác định xong những tình tiết và đặc trưng pháp lý của vụ án hình sự cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, phải lựa chọn quy phạm pháp luật để giải quyết nó. Trước hết, cần tìm ra các quy phạm pháp luật quy định về thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự. Tiếp theo, tùy vào từng giai đoạn tố tụng và từng vụ án cụ thể, cần tìm kiếm những quy phạm tương ứng để áp dụng cho việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Ví dụ: Nếu trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mà thấy có một trong các căn cứ để trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định của Điều 179 BLTTHS thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà cần áp dụng Điều 39, Điều 176 và Điều 179 BLTTHS để ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát; Nếu tại phiên toà, Hội đồng xét xử phát hiện thấy có những vấn đề cần điều tra bổ sung thì cần áp dụng Điều 179, Điều 199 BLTTHS ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để yêu cầu điều tra bổ sung.

- Giai đoạn áp dụng pháp luật trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Trong quá trình Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung, để quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được ban hành đúng pháp luật, Thẩm phán (Hội đồng xét xử) phải căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan để xem xét đánh giá mọi tình tiết của vụ án với tinh thần trách nhiệm cao, khách quan, toàn diện. Giai đoạn này nhằm nhận thức đúng đắn nội dung, tư tưởng của quy phạm pháp luật để Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung thông qua hoạt động của người có thẩm quyền áp dụng pháp luật. Ví dụ: Tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật TTHS cần làm rõ căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung là theo quy định tại Điểm a (*cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án*), Điểm b (*bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác*) hay Điểm c (*có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng*). Tại điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS, nếu cần xem xét thêm những “chứng cứ quan trọng” thì cụ thể là những chứng cứ nào theo quy định của Điều 63 BLTTHS; các chứng cứ như hành vi phạm tội, thời gian địa điểm tình tiết khác của người phạm tội; có lỗi hay không có lỗi; do vô ý hay cố ý; có năng lực trách nhiệm hình sự dân sự hay không; mục đích, động cơ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra không thể bổ sung được tại phiên tòa. Đồng thời nếu bị cáo phạm một tội khác thì là tội nào quy định trong BLHS. Trong thời gian chuẩn bị xét xử thẩm phán tòa án có căn cứ cho rằng bị can thực hiện một tội khác đây có thể là tội chưa được Viện kiểm sát truy tố hoặc đã truy tố nhưng tòa án thấy cần xử lý bị cáo theo tội danh nặng hơn thì thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Nếu thấy có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra truy tố như cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích của bị can, bị cáo, người bị hại dẫn đến giải quyết vụ án thiếu khách quan toàn diện ảnh hưởng đến những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTHS và các văn bản pháp lý liên quan.

- Giai đoạn ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đây là giai đoạn tổng hợp kết quả của ba giai đoạn trên. Ở giai đoạn này, Tòa án có thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nhằm làm sáng tỏ sự thật của vụ án, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thể hiện năng lực, trình độ của Thẩm phán và Hội đồng xét xử khi áp dụng pháp luật. Bởi vì, quyết định này chính là việc vận dụng các quy định pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tổ tụng hình sự để cá thể hóa, cụ thể hóa cho từng vụ án cụ thể. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm phải bảo đảm được sự nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ được pháp chế, quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng.

Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm phải được ban hành đúng thẩm quyền, tên gọi, có cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý theo đúng mẫu quy định (ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC). Nội dung của quyết định phải rõ ràng, chính xác, nêu rõ trường hợp cụ thể, chủ thể cụ thể.

1.3. Các điều kiện đảm bảo hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.3.1. Điều kiện pháp lý

Sau khi ban hành và thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-TW, ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành mới hoặc được sửa đổi, bổ sung trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Với mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng Tòa án là trung tâm và có sự phân công rõ về quyền lực: chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp; Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập pháp; tòa án nhân dân là cơ quan xét xử và thực hiện quyền tư pháp. Mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, hướng tới

xã hội dân chủ kỷ cương, hạn chế các tiêu cực của xã hội, tạo sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, Hiến pháp năm 2013 phù hợp với tình hình mới đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý đất nước và xã hội bằng pháp luật; cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép; công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm. Chính vì vậy, xây dựng hệ thống pháp luật theo hướng hoàn thiện, đồng bộ, thống nhất là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, lâu dài của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đối với hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm, chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật ảnh hưởng lớn đến chất lượng áp dụng pháp luật. Một văn bản quy phạm pháp luật, một điều luật được áp dụng trong thực tế mà không đảm bảo được khả năng thực hiện, không có tính thuyết phục và tính chính xác thì sẽ không đem lại hiệu quả. Khi áp dụng pháp luật trong hoạt động trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung, Tòa án phải căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

1.3.2. Trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của chủ thể trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân là yếu tố quan trọng đảm bảo giải quyết các vụ án hình sự được chính xác, khách quan và hiệu quả. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải có kiến thức rộng, trình độ chuyên môn sâu, kỹ năng thuần thực, phẩm chất đạo đức tốt và phải luôn trau dồi kiến thức, học hỏi không ngừng, cập nhật kịp thời những văn bản mới, những kiến thức khoa học mới để đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật được chuẩn xác, đưa ra được những phán quyết đúng đắn, hợp tình, hợp lý.

Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã quy định điều kiện, tiêu chuẩn Thẩm phán, quyền hạn, nghĩa vụ của họ khi tiến hành tố tụng... Những quy định đó đã góp phần nâng cao một bước chất lượng của đội ngũ Thẩm phán. Tuy nhiên, Nghị

quyết 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị xác định: Đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận còn yếu, thậm chí có một bộ phận cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; vẫn còn tình trạng oan, sai trong xét xử. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả của pháp luật và của bộ máy nhà nước.

Mặt khác Hội thẩm nhân dân là những người làm công tác kiêm nhiệm, do đó, kiến thức pháp luật không được cập nhật thường xuyên, trình độ chuyên môn nghiệp vụ về pháp luật của Hội thẩm nhân dân còn hạn chế. Trong đó khi tham gia hoạt động xét xử của Tòa án, Hội thẩm nhân dân được ngang quyền với Thẩm phán trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án, nhưng trên thực tế hầu như Hội thẩm nhân dân không thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Để đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp cần phải thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân để họ không ngừng được nâng cao về trình độ chuyên môn, có năng lực thực sự, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức về xã hội, có tính độc lập và chịu trách nhiệm cao trong hoạt động xét xử. Thông qua đó đảm bảo cho hoạt động xét xử nói chung được khách quan, toàn diện, chính xác, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng oan, sai.

1.3.3. Tính độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án nói chung và của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân nói riêng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Nguyên tắc "Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" được quy định tại điều 103 Hiến pháp và tại Điều 16 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003. Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân được thể hiện như sau:

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp, vì thế quyết định của Tòa án phải là quyết

định khách quan, chính xác. Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải căn cứ vào các tình tiết khách quan của vụ án, các chứng cứ đã được thẩm tra và căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa ra phán quyết chính xác, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên tắc này khẳng định, trong quá trình giải quyết vụ án, không một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào được can thiệp, tác động đến hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Đồng thời, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải trung thực, công minh, có bản lĩnh chính trị, tôn trọng và nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật, tránh những hành vi sai trái, không vô tư trong hoạt động công vụ của mình.

Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật không có nghĩa là tách rời đường lối, chính sách của Đảng. Độc lập xét xử cũng không có nghĩa là không có sự kiểm tra, giám sát. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập không có nghĩa là xét xử tùy tiện mà phải tuân theo pháp luật. Như vậy, "độc lập" và "chỉ tuân theo pháp luật" có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Độc lập là điều kiện cần thiết để Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật. Tuân theo pháp luật là cơ sở không thể thiếu để Thẩm phán và Hội thẩm độc lập khi xét xử. Nếu chỉ độc lập mà không tuân theo pháp luật thì dễ dẫn đến tình trạng xét xử tùy tiện, độc đoán.

Như vậy, nguyên tắc "Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" đảm bảo cho Tòa án thực hiện tốt chức năng xét xử của mình theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thực hiện nguyên tắc này cũng đề cao trách nhiệm của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Để đảm bảo cho nguyên tắc này được thực hiện tốt, ngoài việc phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh thì việc nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân là hết sức cần thiết.

1.3.4. Cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ, chính sách tiền lương

Nghị quyết số 08/NQ-TU, ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có

đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có cơ chế chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp. Thời gian qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện phương tiện, trụ sở làm việc của ngành Tòa án nhân dân đã được đầu tư trang bị, nâng cấp đáng kể. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, chưa tương xứng với nhiệm vụ của ngành. Để nâng cao chất lượng trong giải quyết án hình sự nói riêng và công tác xét xử nói chung của Tòa án thì việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, ngân sách cho Tòa án là hết sức cần thiết.

1.3.5. Chất lượng hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp

Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp như Luật sư, Giám định, Công chứng có ý nghĩa quan trọng đối với các vụ án hình sự của Tòa án nhân dân. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp đã bổ sung, cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ quan trọng có giá trị chứng minh làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án, ví dụ như: Kết luận giám định pháp y về nguyên nhân chết, về tỷ lệ thương tật, Kết luận giám pháp y tâm thần, giám định chữ viết, giám định gien. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp giúp Tòa án ra phán quyết đúng đắn trên cơ sở khoa học. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp kém hiệu quả, không chính xác, không kịp thời sẽ dẫn đến sự sai lệch trong quá trình giải quyết vụ án, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng. Chính vì vậy, hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả giải quyết các vụ án hình sự nói chung, kết quả hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung nói riêng của Tòa án nhân dân.

Kết luận chương 1

Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định trong BLTTHS Việt Nam xuất phát từ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án đây là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình tố tụng ở tất cả các giai đoạn. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân là một lĩnh vực của

áp dụng pháp luật nói chung nhằm xác định sự thật vụ án một cách khách quan toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định tội phạm, những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Đồng thời còn có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết các biện pháp tư pháp, giải quyết các vấn đề trách nhiệm dân sự và những vấn đề khác có liên quan. Bởi lẽ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh mình là vô tội. Tòa án chỉ có thể xét xử đúng người, đúng tội đúng pháp luật nếu trong giai đoạn điều tra đã thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. Quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Trước khi BLTTHS năm 1988 ra đời, các văn bản pháp luật trước đó quy định về thẩm quyền xét xử cũng như thủ tục xét xử tại phiên toà sơ thẩm của Toà án nhưng không có quy định nào về việc Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ cho Viện kiểm sát (trước đây là Viện công tố).

Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án cấp sơ thẩm được quy định lần đầu tiên tại Điều 154 và Điều 173 BLTTHS năm 1988. Tại Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1988 “Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự”, tại Mục 4 Phần I của Thông tư quy định: *“khi Toà án trả hồ sơ để Viện Kiểm sát điều tra bổ sung, thì Toà án xoá sổ thụ lý, Viện Kiểm sát ghi việc Toà án trả hồ sơ vào sổ thụ lý của mình. Khi nhận lại hồ sơ, Toà án thụ lý lại. Ngày chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát và ngày thụ lý lại cũng được đóng dấu (hoặc ghi) vào bì hồ sơ”*[31].

Ngày 05/11/1996, liên ngành Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ nội vụ (nay là Bộ công an) thống nhất ra Thông báo số 61/KT-LN hướng dẫn về thời hạn điều tra bổ sung, tại điểm c khoản 5 Mục IV Thông báo quy định. “Trường hợp Toà án trả lại hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng. Nếu vụ án có bị can bị tạm giam nhưng đã hết thời hạn tạm giam thì Viện kiểm sát ra lệnh tạm giam tiếp 30 ngày. Việc điều tra bổ sung phải hoàn thành trong thời gian trên dù hồ sơ vụ án ở Cơ quan điều tra hoặc ở Viện kiểm sát”. Ngày 10/06/2002, TANDTC có hướng dẫn tại Công văn số 81/2002/TANDTC: “ Mặc dù trong phần xét xử sơ thẩm của BLTTHS không có điều luật quy định cụ thể việc Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung như quy định tại Điều 154 quy định thẩm quyền của

Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là tại phiên tòa sơ thẩm, khi thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không được ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 173 BLTTHS thì một trong các quyết định mà Hội đồng xét xử phải thảo luận và thông qua tại phòng nghị án, đó là quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Điều đó có nghĩa là tại phiên tòa khi xét thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173 Bộ luật Tố tụng hình sự để ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung”.

BLTTHS năm 2003 và các văn bản tố tụng hình sự hiện hành đã quy định khá đầy đủ về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung cả về thẩm quyền, căn cứ, thời hạn, số lần và thủ tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cụ thể:

Về thẩm quyền: Thẩm quyền ra quyết định (yêu cầu) trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại Điều 39, Điều 176 và Điều 199 của BLTTHS năm 2003.

Điều 39 BLTTHS năm 2003 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán. Khoản 2 của Điều luật quy định:

“Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1 Điều này còn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a)...

b) *Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung*”[21].

Điều 176 BLTTHS năm 2003 quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Khoản 2 của Điều luật quy định:

“Trong thời hạn ba mươi ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, bốn mươi lăm ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, hai tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, ba tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định sau đây:

a) ...

b) *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung*”[21].

Điều 199 BLTTHS năm 2003 quy định về việc ra các bản án và các quyết định của Tòa án. Khoản 2 của Điều luật quy định:

Quyết định về việc thay đổi thành viên của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người phiên dịch, chuyển vụ án, yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình hoặc đình chỉ vụ án và việc bắt giam hoặc trả tự do cho bị cáo phải được thảo luận và thông qua tại phòng nghị án và phải được lập thành văn bản”[21].

Theo các quy định trên, thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự thuộc về Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa (trong thời hạn chuẩn bị xét xử) hoặc của Hội đồng xét xử sơ thẩm (tại phiên tòa). Điểm khác biệt giữa hai quyết định là thẩm quyền, thời điểm ban hành và tên gọi của quyết định trả hồ sơ (Thẩm phán ban hành “Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung” còn Hội đồng xét xử ban hành “Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung”), tuy nhiên căn cứ và mục đích để ban hành quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong hai trường hợp trên thì không có gì khác biệt. Như vậy theo quy định tại Điều 179 và điều 199 bộ luật TTHS năm 2003 thì Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nơi ra quyết định truy tố gồm hai trường hợp:

- Thứ nhất: Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong quá trình chuẩn bị xét xử
- Thứ hai: Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong quá trình xét xử tại phiên tòa.

Về các căn cứ để Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Được quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2003. Đối chiếu với quy định tại Điều 154 BLTTHS năm 1988 thì quy định tại Điều 179 trong BLTTHS năm 2003 cơ bản không có gì thay đổi.

Điều 179 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.*”

1. *Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong các trường hợp sau đây:*

a) *Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được;*

b) *Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác.*

c) *Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.*

Những vấn đề cần điều tra bổ sung phải được nêu rõ trong quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

2. *Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới việc đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Tòa án biết.*

Trong trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu bổ sung và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án”[21].

Theo quy định trên, những căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung bao gồm: Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Những căn cứ trên đã được cụ thể hơn trong hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2004/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003 (sau đây viết tắt là: *Nghị quyết số 04/2004*) và tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công An, Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (sau đây viết tắt là: *Thông tư liên tịch số 01/2010*).

Về thời hạn và số lần điều tra bổ sung: Quy định tại Điều 121 BLTTHS năm 2003. Khoản 2 Điều luật này quy định: “*Trong trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá hai tháng; nếu do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng. Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần. Thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra*”[21]. Thời hạn trên được hướng dẫn cụ thể tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2010: “*Thời hạn điều tra bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 121 của BLTTHS; cụ thể là thời hạn do Viện kiểm sát trả hồ sơ không quá hai tháng; do Tòa án trả hồ sơ không quá một tháng tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đến khi Cơ quan điều tra có bản kết luận điều tra bổ sung*”[31].

Như vậy, thời hạn để điều tra bổ sung do Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ là không quá một tháng và số lần Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không quá hai lần.

Về thủ tục ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Thủ tục ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm được hướng dẫn tại Mục 4 phần 1 Nghị quyết số 04/2004 và các Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2010. Theo các quy định trên việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự được tiến hành như sau:

- Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Khoản 2 Điều 176 của BLTTHS. Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 199 của BLTTHS.

- Để không trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, Tòa án phải nghiên cứu toàn diện hồ sơ vụ án để phát hiện các trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung và phải kịp thời ra quyết định, không được để hết thời hạn quyết định truy tố hoặc hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải ra quyết định bằng văn bản và do người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ký. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải theo đúng mẫu 04a (dùng cho Thẩm phán), Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung phải theo đúng mẫu 05a (dùng cho HĐXX sơ thẩm) ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004. Trong quyết định phải ghi số, ngày, tháng, năm và lần trả hồ sơ (thứ nhất hoặc thứ hai). Trong phần nội dung phải ghi cụ thể “những chứng cứ quan trọng đối với vụ án” cần phải điều tra bổ sung, “tội phạm khác hoặc người đồng phạm khác” phải khởi tố, truy tố hoặc “những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” cần được khắc phục và nêu rõ căn cứ pháp luật quy định tại một trong các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS. Không được nêu kết quả điều tra bổ sung có ý nghĩa như thế nào đối với việc giải quyết vụ án.

- Trong trường hợp tiếp tục phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thì trong Quyết định phải nêu rõ những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung lần trước chưa được điều tra bổ sung hoặc đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung làm phát sinh vấn đề mới cần điều tra.

- Sau khi nhận được hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, nếu thấy quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án có căn cứ mà không thể tự mình bổ sung được thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra; nếu thấy quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án không có căn cứ theo quy định tại Điều 179 BLTTHS và hướng dẫn tại các điều 1, 3 và 4 Thông tư liên tịch số 01/2010 thì Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án để đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 179 của BLTTHS.

- Sau khi kết thúc điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra phải có bản kết luận điều tra bổ sung, trong đó kết luận rõ đối với từng vấn đề điều tra bổ sung và quan điểm giải quyết vụ án. Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ theo

thẩm quyền quy định tại Điều 164 và Điều 169 của BLTTHS và thông báo cho Toà án biết.

Nếu kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án; nếu kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát ban hành cáo trạng mới thay thế cáo trạng cũ và chuyển hồ sơ đến Tòa án để xét xử.

Các căn cứ để Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung

Theo Điều 179 BLTTHS hiện hành, căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung bao gồm: Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các căn cứ quy định tại Điều 179 BLTTHS nêu trên là rất cô đọng và còn khá chung chung, làm cho việc áp dụng trong thực tiễn gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, để hiểu chính xác và áp dụng thống nhất các quy định về căn cứ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong thực tiễn, ngày 05/11/2004 Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 04/2004 NQ- HĐTP (*Nghị quyết số 04/2004*) hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003, ngày 27/8/2010 Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công An, Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC (*Thông tư liên tịch số 01/2010*) hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Theo các văn bản pháp quy này, các căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được giải thích như sau:

Chứng cứ quan trọng đối với vụ án: Theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2010 “Chứng cứ quan trọng đối với vụ án” quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS là chứng cứ quy định tại Điều 64 của BLTTHS dùng để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của BLTTHS

và nếu thiếu chứng cứ này thì không thể giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật. Thiếu chứng cứ sau đây là trường hợp thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án:

- Chứng cứ để chứng minh “có hành vi phạm tội xảy ra hay không” là chứng cứ để xác định hành vi xảy ra đó có đủ yếu tố của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự hay thuộc các trường hợp không phải là hành vi phạm tội (phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, quan hệ dân sự, kinh tế, vi phạm hành chính...).

- Chứng cứ để chứng minh “thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội” là chứng cứ xác định nếu có hành vi phạm tội xảy ra thì xảy ra vào thời gian nào, ở đâu; phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm như thế nào;

- Chứng cứ để chứng minh “Ai là người thực hiện hành vi phạm tội” là chứng cứ xác định một con người cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đó;

- Chứng cứ để chứng minh “có lỗi hay không có lỗi” là chứng cứ xác định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có lỗi hay không có lỗi; nếu có lỗi thì thuộc trường hợp lỗi cố ý (lỗi cố ý trực tiếp hay lỗi cố ý gián tiếp) hoặc lỗi vô ý (lỗi vô ý do quá tự tin hay lỗi vô ý do cẩu thả) theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Bộ luật hình sự;

- Chứng cứ để chứng minh “có năng lực trách nhiệm hình sự hay không” là chứng cứ xác định khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay chưa; có mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình hay không và nếu có thì mắc bệnh đó vào thời gian nào, trong giai đoạn tố tụng nào;

- Chứng cứ để chứng minh “mục đích, động cơ phạm tội” là chứng cứ xác định người thực hiện hành vi phạm tội với mục đích, động cơ gì và trong trường hợp mục đích, động cơ phạm tội là yếu tố tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc là

yếu tố (tình tiết) của cấu thành tội phạm hoặc là yếu tố (tình tiết) định khung hình phạt;

- Chứng cứ để chứng minh tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo là chứng cứ xác định bị can, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự; có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự hoặc là chứng cứ xác định tình tiết định khung hình phạt;

- Chứng cứ để chứng minh những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo là chứng cứ xác định lý lịch tư pháp của bị can, bị cáo;

- Chứng cứ để chứng minh “tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra” là chứng cứ để đánh giá tính chất, hậu quả (vật chất và phi vật chất) của hành vi phạm tội trong việc xác định tội phạm và quyết định hình phạt;

- Chứng cứ khác để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của BLTTHS mà thiếu chứng cứ đó thì không có đủ căn cứ để giải quyết vụ án, như: Chứng cứ để xác định chính xác tuổi của bị can, bị cáo là người chưa thành niên hoặc xác định chính xác tuổi của người bị hại là trẻ em; chứng cứ để chứng minh vị trí, vai trò của từng bị can, bị cáo trong trường hợp đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức...

Điều kiện để trả hồ sơ điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án: Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử), Hội đồng xét xử (tại phiên tòa) ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án được hướng dẫn ở trên mà xét thấy không thể bổ sung tại phiên tòa được; Không trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử được hoặc không thể thu thập được. Ví dụ 1: Có 3 người làm chứng nhưng chỉ xác định được 2 người. Ví dụ 2: Hiện trường đã bị thay đổi không thể xem xét lại được hay vật chứng đã mất không thể tìm được.

Căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác:
Theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2010, “Có căn cứ để cho

rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác” quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Viện kiểm sát truy tố về một hay nhiều tội, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can (bị cáo) đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác;

- Ngoài tội phạm đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can (bị cáo) về một hay nhiều tội khác;

- Ngoài bị can (bị cáo) đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác liên quan đến vụ án, nhưng chưa được khởi tố bị can.

Tòa án không trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã có quyết định tách vụ án hoặc chưa có quyết định tách vụ án của Cơ quan điều tra nhưng có căn cứ để tách vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 117 của BLTTHS.

- Trường hợp Viện kiểm sát truy tố về một hay nhiều tội, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can (bị cáo) đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy có thể xét xử bị can (bị cáo) về một hay nhiều tội tương ứng bằng hay nhẹ hơn hoặc có thể xét xử bị can (bị cáo) ít tội hơn số tội mà Viện kiểm sát truy tố.

Tội tương ứng bằng hoặc nhẹ hơn tội Viện kiểm sát đã truy tố: theo hướng dẫn tại tiểu mục 2.2, Mục 2, Phần II Nghị quyết số 04/2004, được xác định như sau:

- Tội khác bằng tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) đối với hai tội như nhau.

Ví dụ: Bị cáo B bị Viện kiểm sát truy tố về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", thì Tòa án có thể xét xử bị cáo B về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Tội khác nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) đối với tội

khác nhẹ hơn so với tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Để xác định tội nào nhẹ hơn, tội nào nặng hơn thì cần thực hiện theo thứ tự như sau:

Trước hết xem xét hình phạt chính đối với hai tội phạm, nếu tội nào điều luật có quy định loại hình phạt nặng nhất nặng hơn thì tội đó nặng hơn.

Ví dụ: Đối với tội cố ý gây thương tích (Điều 104 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất là tù chung thân, còn đối với tội giết người (Điều 93 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất là tử hình; do đó, tội giết người nặng hơn tội cố ý gây thương tích.

Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội là tù có thời hạn (không quy định hình phạt tử hình, hình phạt tù chung thân) thì tội nào, điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất đối với tội ấy cao hơn là tội đó nặng hơn.

Ví dụ: Đối với tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 97 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất là mười lăm năm, còn đối với tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 99 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất là mười hai năm; do đó, tội làm chết người trong khi thi hành công vụ nặng hơn tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.

Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều tử hình hoặc đều tù chung thân hoặc đều tù có thời hạn và mức hình phạt tù cao nhất đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật quy định mức hình phạt tù khởi điểm cao hơn là tội đó nặng hơn.

Ví dụ: Đối với tội hiếp dâm (Điều 111 của Bộ luật Hình sự) và đối với tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 của Bộ luật Hình sự), điều luật đều quy định hình phạt tử hình, hình phạt tù chung thân và hình phạt tù có thời hạn có mức cao nhất là hai mươi năm, nhưng mức hình phạt tù khởi điểm đối với tội hiếp dâm là hai năm, còn đối với tội hiếp dâm trẻ em là bảy năm; do đó, tội hiếp dâm trẻ em nặng hơn tội hiếp dâm.

Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù khởi điểm, mức hình phạt tù cao nhất như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cảnh cáo) thì tội đó nhẹ hơn. Nếu điều luật cùng quy định các loại hình phạt như nhau, nhưng có mức cao nhất, mức khởi điểm khác nhau thì việc xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn được thực hiện tương tự.

Trong trường hợp điều luật quy định các loại hình phạt chính đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là tội đó nặng hơn. Nếu điều luật cùng quy định hình phạt bổ sung như nhau, nhưng đối với tội này thì hình phạt bổ sung là bắt buộc, còn đối với tội khác hình phạt bổ sung có thể áp dụng, thì tội nào điều luật quy định hình phạt bổ sung bắt buộc là tội đó nặng hơn.

Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2010, “Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS là trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án. Những trường hợp sau đây được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự:

- Lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mà theo quy định của BLTTHS phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, nhưng đã không có phê chuẩn của Viện kiểm sát hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền;

- Không yêu cầu cử người bào chữa cho bị can, bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 của BLTTHS;

- Xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Khởi tố vụ án hình sự nhưng không có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại theo quy định tại Khoản 1 Điều 105 của BLTTHS;

- Nhập vụ án hoặc tách vụ án không có căn cứ và trái với quy định tại Điều 117 của BLTTHS;

- Không giao các lệnh, quyết định tố tụng cho bị can, bị cáo theo đúng quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo;

- Chưa điều tra, lập lý lịch của bị can; chưa xác định được những đặc điểm quan trọng về nhân thân của người có hành vi phạm tội (tuổi, tiền án, tiền sự của bị can, bị cáo);

- Không có người phiên dịch cho người tham gia tố tụng trong trường hợp họ không sử dụng được tiếng Việt hoặc họ là người câm, điếc theo quy định tại Điều 61 của BLTTHS;

- Không từ chối tiến hành tố tụng hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng trong các trường hợp quy định tại Điều 42, Điều 60 và Điều 61 của BLTTHS;

- Việc điều tra, thu thập chứng cứ quan trọng đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS nên không có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự;

- Chứng cứ, tài liệu quan trọng đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt làm sai lệch hồ sơ vụ án;

- Việc điều tra, truy tố không đúng thẩm quyền, trù trường hợp cơ quan có thẩm quyền phân công điều tra vụ án cụ thể;

- Có căn cứ để xác định có việc mớm cung, bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật;

- Khiếu nại, tố cáo của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của họ;

- Những trường hợp khác được xác định đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định, nhưng phải ghi rõ trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tòa án không trả hồ sơ để điều tra bổ sung mặc dù “có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Có vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng;

- Bị can (bị cáo) là người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra nhưng đến khi truy tố, xét xử bị can (bị cáo) đã đủ 18 tuổi.

Qua nghiên cứu pháp luật hiện hành về trả hồ sơ để điều tra bổ sung chúng tôi cho rằng các quy định này khá cụ thể, đầy đủ và phù hợp. Tuy nhiên, so với thực tiễn áp dụng pháp luật, những quy định trên đặc biệt là những quy định về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong BLTTHS vẫn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, gây không ít khó khăn cho việc nhận thức đúng đắn và áp dụng thống nhất pháp luật, cụ thể:

Về thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Điều 179 BLTTHS chỉ quy định cho Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mà không quy định quyền này cho HĐXX sơ thẩm khi xét xử vụ án tại phiên tòa. Trong khi đó, Điều 199 BLTTHS có quy định khi xét xử, HĐXX sơ thẩm có quyền ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung nhưng không quy định rõ khi ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung thì có trả hồ sơ cho VKS hay không. Quy định như vậy là chưa rõ ràng. Để khắc phục vấn đề này, tại Khoản 2 Điều 10

Thông tư liên tịch số 01/2010 quy định: *“Tại phiên toà, Kiểm sát viên chủ động phối hợp với Hội đồng xét xử làm rõ những cứ liên quan đến việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề mới hoặc phức tạp mà không bổ sung được, thì Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung”*[31]. Tuy nhiên, đó chỉ là quy định trong một văn bản hướng dẫn pháp luật có hiệu lực thấp, vì vậy khi vận dụng và áp dụng cần có sự thống nhất hơn.

Về các căn cứ để Tòa án ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung

- Khoản 2 Điều 199 BLTTHS quy định cho HĐXX sơ thẩm có quyền ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung nhưng không quy định các căn cứ để HĐXX sơ thẩm ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Trong quá trình giải quyết căn cứ để Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung quy định tại Điều 179 BLTTHS được “ngầm hiểu” cũng chính là các căn cứ để HĐXX sơ thẩm ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên toà. Để đảm bảo về mặt pháp lý, BLTTHS cần quy định vấn đề trên một cách cụ thể rõ ràng hơn.

- Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS quy định một trong những căn cứ để Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong thời hạn chuẩn bị xét xử là *“có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác”* Xung quanh quy định này, còn một số vấn đề bất cập và cách hiểu như sau:

Thứ nhất: Sử dụng từ “bị cáo” trong căn cứ này là chưa chuẩn xác. Bởi lẽ, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà chỉ được ra một trong những quyết định tại khoản 2 Điều 176 BLTTHS (Đưa vụ án ra xét xử; Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án). Nếu ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì phải dùng từ “bị can” mới chính xác. Bởi vì Điều 50 BLTTHS định nghĩa *“Bị cáo là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử”*, nếu tại phiên toà HĐXX sơ thẩm ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung theo Điều 199 BLTTHS thì trong quyết định mới dùng từ “bị cáo”.

Thứ hai: Đối với căn cứ “cho rằng bị cáo phạm một tội khác”, điều luật không quy định cụ thể “tội khác” là tội gì nên có thể hiểu “tội khác” là bất cứ tội

phạm nào được quy định trong BLHS. Trên thực tế, Toà án chỉ có thể trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi “tội khác” phải là tội nặng hơn tội mà VKS đã truy tố vì theo quy định tại Điều 196 BLTTHS “*giới hạn của việc xét xử*” thì “*Toà án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố*”[21], do vậy, nếu có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác nhẹ hơn hoặc bằng tội mà VKS đã truy tố thì toà án vẫn có thể đưa vụ án ra xét xử mà không phải trả hồ sơ để thay đổi tội danh. Vấn đề này đã được hướng dẫn tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2010, tuy nhiên vẫn cần quy định cụ thể để thống nhất trong việc áp dụng pháp luật.

Thứ ba: Đối với căn cứ cho rằng “có đồng phạm khác”, theo tinh thần của điều luật thì Toà án chỉ được trả hồ sơ khi phát hiện có thêm người phạm tội và người này phải là đồng phạm với người đã bị VKS truy tố. Nếu phát hiện có thêm người phạm tội nhưng người này không phải là đồng phạm theo quy định tại Điều 20 BLHS. (Điều 20 BLHS quy định đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm; người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức đều là những người đồng phạm) thì Toà án không được trả hồ sơ mà chỉ có quyền khởi tố hoặc yêu cầu VKS khởi tố vụ án tại phiên toà theo quy định tại Điều 104 BLTTHS hoặc kiến nghị trong bản án theo quy định tại Điều 225 BLTTHS. Trên thực tế, nếu phát hiện có người phạm tội khác không đồng phạm với người bị VKS truy tố nhưng HĐXX chỉ dừng lại ở việc khởi tố hoặc yêu cầu VKS khởi tố vụ án hay kiến nghị trong bản án mà không trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung để xử lý theo quy định của pháp luật thì chưa phát huy được hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm. Để khắc phục vấn đề này, Điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2010 quy định Toà án cấp sơ thẩm được trả hồ sơ để điều tra bổ sung cả trong trường hợp “*Ngoài bị can (bị cáo) đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác liên quan đến vụ án, nhưng chưa được khởi tố bị can*”[31]. Quy định trên của Thông tư liên tịch mâu thuẫn với

Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS “*Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác*” nhưng lại phù hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay, vì vậy cần có sự thống nhất về căn cứ để Toà án trả hồ sơ này cho phù hợp.

Về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Tại Khoản 2 Điều 121 BLTTHS quy định “Toà án chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần”. Quy định về số lần Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung như trên là chưa chặt chẽ, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn. Cụ thể:

Quan điểm thứ nhất: Cho rằng Điều 176 và Điều 199 BLTTHS quy định về quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong hai giai đoạn khác nhau của quá trình giải quyết một vụ án hình sự nên quy định về số lần Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại Khoản 2 Điều 121 BLTTHS chỉ áp dụng đối với quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án (trong thời hạn chuẩn bị xét xử) còn đối với yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa là do HĐXX sơ thẩm quyết định nên không hạn chế về số lần quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Vì vậy, đã có không ít vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần nhưng khi xét xử sơ thẩm, HĐXX lại tiếp tục ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

Quan điểm thứ hai: Cho rằng quy định về số lần Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại Khoản 2 Điều 121 BLTTHS là áp dụng cho Toà án cấp sơ thẩm trong suốt cả quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nghĩa là trong cả quá trình giải quyết một vụ án hình sự, Toà án cấp sơ thẩm chỉ được ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần và quy định này đã bao hàm cả đối với Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trước khi xét xử và Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa.

Do có nhiều quan điểm về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vì vậy cần có

một quy định thống nhất về số lần Toà án cấp sơ thẩm được trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Về thời hạn điều tra bổ sung

Khoản 2 Điều 121 BLTTHS quy định trong trường hợp vụ án do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì “*thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng*”. Thời hạn này “*tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra*”[21]. Tuy nhiên BLTTHS chưa quy định thời hạn mà VKS phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra sau khi đã nhận lại hồ sơ từ Toà án để điều tra bổ sung mà VKS không tự mình điều tra bổ sung được.

Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2010 quy định “*sau khi nhận được hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, nếu thấy quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án có căn cứ mà không thể tự mình bổ sung được thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra*”[31]. Tuy nhiên Thông tư liên tịch trên cũng không quy định “ngay” là thời gian bao lâu. Việc quy định chưa chặt chẽ như vậy đã tạo kẽ hở pháp luật dẫn đến một số vụ án, sau khi Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, việc giải quyết vụ án đã kéo dài vô thời hạn, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, làm giảm đi tính nghiêm minh của pháp luật hình sự.

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng pháp luật, các quy định của pháp luật liên quan đến việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế về thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; về căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung; về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung và về thời hạn điều tra bổ sung. Để khắc phục những hạn chế trên, nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã kế thừa các quy định về trả hồ sơ điều tra bổ sung trong BLTTHS năm 1988 (Khoản 2 Điều 98 Điều 143a; Điều 154; Khoản 2 Điều 173) Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành (điểm g khoản 2, khoản 3 điều 36,

điểm b khoản 2 điều 39, khoản 2 điều 121; điều 168 điểm b khoản 2 điều 176 điều 179 khoản 2 điều 199) và Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục quy định chế định này tại điểm m khoản 2 Điều 41; điểm b khoản 2 điều 45, khoản 2 điều 174; khoản 5 điều 236; điều 245; điều 246; điều 280 trong đó quy định.

- Thứ nhất về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Bộ luật TTHS 2015 quy định: “Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần và Hội đồng xét xử chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần”(Khoản 2 Điều 174 Bộ luật TTHS năm 2015) như vậy đã giới hạn cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần và tại phiên tòa Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần. Quy định này thể hiện sự chặt chẽ hơn, tránh sự tùy tiện, lạm dụng việc trả hồ sơ để kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Theo quy định hiện hành thì Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần điều đó có nghĩa là cả hai lần trả hồ sơ, Tòa án có thể quyết định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa. Quy định này còn thể hiện sự phù hợp với nguyên tắc đảm bảo tranh tụng trong xét xử theo tinh thần của nghị quyết số 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Rõ ràng, theo quy định của pháp luật hiện hành, nếu như Tòa án trả hồ sơ hai lần trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì kết quả điều tra công khai tại phiên tòa sẽ không có ý nghĩa với việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì tòa án đã hết số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quy định mới này trong Bộ luật TTHS năm 2015 đã khắc phục được bất cập nêu trên góp phần đảm bảo tốt hơn nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa.

- Thứ hai, về căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung, theo Khoản 1 Điều 280 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định gồm có bốn căn cứ. Về số lượng thì nhiều hơn một căn cứ so với Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành.

Điểm c Khoản 1 Điều 245 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Như vậy so với quy định của bộ luật TTHS hiện hành thì các nhà làm luật đã bổ sung thêm căn cứ nếu có người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì cũng được xem là căn cứ để Tòa án, Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Quy định mới này cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục xây dựng các văn bản dưới luật có nhiệm vụ cụ thể hóa, chi tiết hóa đảm bảo áp dụng pháp luật được đúng đắn và thống nhất.

- Thứ ba, hình thức của Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và việc Cơ quan điều tra thực hiện Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được cụ thể hóa ở thông tư liên tịch số 01/2010 đã được luật hóa trong Bộ luật TTHS năm 2015. Điều đó thể hiện một bước tiến mới trong lịch sử lập pháp TTHS, một sự quan tâm đúng mức của Đảng và nhà nước ta đối với công tác điều tra vụ án hình sự phải đảm bảo được tính chính xác, khách quan toàn diện và đúng pháp luật. Khi có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Cơ quan điều tra là bắt buộc, quy định trong Bộ luật TTHS có tính ràng buộc cao hơn.

- Thứ tư, Bộ luật TTHS năm 2015 cũng luật hóa một số nội dung mới như trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nếu xét thấy có thể bổ sung chứng cứ, tài liệu thì Viện kiểm sát có thể trực tiếp bổ sung mà không cần thiết phải trả hồ sơ cho cơ quan điều tra. Điều 246 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định giải quyết yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án: Trường hợp Tòa án quyết định trả hồ sơ vụ án điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát phải xem xét căn cứ của việc yêu cầu điều tra bổ sung và giải quyết như sau:

“Nếu quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung có căn cứ mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để bổ sung tài liệu chứng cứ; trường hợp Viện kiểm sát không thể tự điều tra bổ sung được thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để

điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan điều tra để tiến hành điều tra” hoặc “Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ (khoản 2 Điều 280 Bộ luật TTHS năm 2015). Điều này tạo sự chủ động cho Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, hạn chế được tình trạng giải quyết vụ án bị kéo dài như hiện nay.

Những hạn chế, bất cập trên của pháp luật hiện hành về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung cần được nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục để hoạt động tố tụng trả hồ sơ để điều tra bổ sung được chính xác, thống nhất và đúng đắn.

2.2. Những hạn chế bất cập của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Tình hình trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến năm 2015

Về số lượng: Trong 05 năm từ 2011 đến 2015 hai cấp Tòa án ở Hải Phòng đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung 160 vụ/ 7.105 vụ án hình sự sơ thẩm đã giải quyết xét xử, chiếm tỷ lệ 2,2%. Tỷ lệ số vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên tổng số vụ toà án đã giải quyết xét xử thay đổi theo từng năm: Năm 2011 chiếm tỷ lệ 1,7%, năm 2012 tăng lên 3%, năm 2013 giảm xuống còn 1,7% nhưng lại tăng lên 3,1% vào năm 2014 và giảm xuống còn 1,8 % vào năm 2015 [xem Bảng 2.1].

Bảng 2.1: Số vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự (từ năm 2011 đến năm 2015)

Đơn vị tính: Vụ

Năm	Tổng số vụ án hình sự sơ thẩm Tòa án đã giải quyết,	Số vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung	Tỷ lệ %

	xét xử		
2011	1.570	27	1,7
2012	1.328	40	3,0
2013	1.371	23	1,7
2014	1.408	44	3,1
2015	1.428	26	1,8
Tổng	7.105	160	2,2

Nguồn: Báo cáo tổng kết của TAND thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến năm 2015.

Trong 160 vụ Toà án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Toà án cấp thành phố đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung 29 vụ; các Toà án cấp huyện đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung 131 vụ. Ở cấp thành phố, Tòa Hình sự là đơn vị trả hồ sơ nhiều nhất (29 vụ). Ở cấp huyện, Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên là đơn vị trả hồ sơ nhiều nhất (23 vụ), Toà án nhân dân huyện đảo Bạch Long Vỹ là đơn vị trả hồ sơ ít nhất (0 vụ). Trong các 160 vụ Toà án ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung có 148 vụ do Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trả trong thời hạn chuẩn bị xét xử, chiếm tỷ lệ 92,5%; có 12 vụ do HĐXX ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung, trả hồ sơ cho VKS tại phiên tòa, chiếm tỷ lệ 7,5%. Có 08 vụ phải trả hồ sơ nhiều lần, chiếm tỷ lệ 5%. Các loại tội thường được trả hồ sơ để điều tra bổ sung là: Cố ý gây thương tích (45 vụ), Giết người (11 vụ), Trộm cắp tài sản (09 vụ); Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (09 vụ), cướp tài sản (06 vụ); còn lại là các loại tội khác như: Đánh

bạc, Gây rối trật tự công cộng, Cướp giật tài sản, Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Huỷ hoại tài sản....

Trong số 160 vụ đã được Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có 119 vụ được VKS chấp nhận điều tra theo yêu cầu của Toà án, chiếm tỷ lệ 74,3%. Tỷ lệ số vụ trả hồ sơ được VKS chấp nhận cũng thay đổi theo từng năm: Năm 2011 là 77,8 %, năm 2012 và 2013 là 70 %, năm 2014 là 75 % và năm 2015 là 80,1 % [xem Bảng 2.2].

Bảng 2.2: Số vụ án Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự được Viện kiểm sát chấp nhận (từ năm 2011 đến năm 2015)

Đơn vị tính: Vụ

Năm	Số vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung	Số vụ trả hồ sơ được Viện kiểm sát chấp nhận	Tỷ lệ %
2011	27	21	77,8
2012	40	28	70
2013	23	16	70
2014	44	33	75
2015	26	21	80,1
Tổng	160	119	74,3

Nguồn: Báo cáo tổng kết của TAND thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến năm 2015.

Về lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Trong 160 vụ Toà án đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung có 75 vụ trả hồ sơ vì cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án (căn cứ theo Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS), chiếm tỷ lệ 46,9 %; 46 vụ trả hồ sơ vì có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội khác hoặc có đồng phạm khác (căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS), chiếm tỷ lệ 28,7 %; 23 vụ trả hồ sơ vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (căn cứ theo Điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS), chiếm tỷ lệ 14,4 % và 16 vụ trả hồ sơ vì căn cứ khác chiếm tỷ lệ 10 %. Tỷ lệ trên cũng thay đổi theo từng năm [xem Bảng 2.3].

Bảng 2.3: Các căn cứ được Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng áp dụng để trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự (từ năm 2011 đến năm 2015)

Đơn vị tính: Vụ

Năm	Tổng số vụ trả hồ sơ	Theo Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS	Tỷ lệ %	Theo Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS	Tỷ lệ %	Theo Điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS	Tỷ lệ %	Theo căn cứ khác	Tỷ lệ %
2011	27	15	55,6	9	33,3	0	0	3	11,1
2012	40	19	47,5	10	25	7	17,5	4	10
2013	23	6	26,1	9	39,1	4	17,4	4	17,4
2014	44	25	56,8	8	18,2	8	18,2	3	6,8
2015	26	10	38,46	10	38,46	4	15,4	2	7,7
Tổng	160	75	46,9	46	28,7	23	14,4	16	10

Nguồn: Báo cáo chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến năm 2015.

Về kết quả trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án: Trong tổng số 160 vụ đã được Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung, có 111 vụ được VKS chấp nhận, thực hiện điều tra bổ sung theo yêu cầu của Toà án, sau khi nhận lại

hồ sơ đã điều tra bổ sung, Toà án đưa vụ án ra xét xử. Có 08 vụ được VKS chấp nhận, thực hiện điều tra bổ sung theo yêu cầu của Toà án và kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ vụ án. Có 26 vụ VKS không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung của Toà án, giữ nguyên quan điểm truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Toà án, Toà án đã đưa vụ án ra xét xử và kiến nghị trong bản án về những yêu cầu điều tra bổ sung không được VKS thực hiện. Có 15 vụ VKS không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung của Toà án, giữ nguyên quan điểm truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Toà án, Toà án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng không có kiến nghị trong bản án về những yêu cầu điều tra bổ sung không được VKS thực hiện. Số liệu trên cũng có sự thay đổi theo từng năm [xem Bảng 2.4].

Bảng 2.4: Kết quả trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng (từ năm 2011 đến năm 2015).

Đơn vị tính: Vụ

Năm	VKS chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung; sau khi điều tra bổ sung, Toà án đưa vụ án ra xét xử.	VKS chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung và đình chỉ vụ án	VKS không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung; Toà án đưa vụ án ra xét xử và kiến nghị trong bản án.	VKS không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung; Toà án đưa vụ án ra xét xử nhưng không kiến nghị trong bản án.
2011	20	1	5	1
2012	26	2	9	3
2013	15	1	5	2
2014	30	3	4	7
2015	20	1	3	2
Tổng	111	8	26	15

Nguồn: Báo cáo chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến năm 2015.

Phân tích các trường hợp Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Thứ nhất, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được (những trường hợp trả hồ sơ khi có căn cứ theo Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS):

Đây là những trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 46,9% các trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thuộc trường hợp này thay đổi theo từng năm: Năm 2011 chiếm tỷ lệ 55,6 % các trường hợp trả hồ sơ, năm 2012 giảm xuống 47,5%, giảm tiếp xuống còn 26,1% vào năm 2013 nhưng lại tăng lên 56,8 % vào năm 2014 và giảm xuống 38,46 % vào năm 2015 [xem Bảng 2.3].

Nguyên nhân chủ yếu của việc trả hồ sơ trong những trường hợp này là thiếu những chứng cứ quan trọng như: Để xác định năng lực chịu trách nhiệm hình sự, xác định tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm bồi thường dân sự, xác định lại hiện trường vụ án, xác định tên, tuổi của người bị hại mà không thể bổ sung làm rõ tại phiên tòa được.

Sau đây là một số ví dụ về việc Tòa án trả hồ sơ khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được theo điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS.

- Vụ án Trần Quý Bình bị VKS truy tố về các tội “Che giấu tội phạm” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung đối với những căn cứ buộc tội “Che giấu tội phạm” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bởi lẽ Bình bị truy tố về hành vi che giấu và giúp sức tiêu thụ tài sản do Nguyễn Chiến Thắng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” mà có. Tuy nhiên, đối tượng Nguyễn Chiến Thắng đang bỏ trốn, tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Chiến Thắng và nguồn gốc những tài sản do Bình tiêu thụ hộ Nguyễn Chiến Thắng là do phạm

tội mà có. Sau hai lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, VKS đã rút quyết định truy tố đối với Trần Quý Bình về hai tội trên.

- Vụ án Trần Quang Huy và đồng bọn bị VKS truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” làm người bị hại giảm 34% sức lao động. Tại phiên toà, người bị hại khai trong những vết thương ở đầu có một vết thương do người bị hại vô ý va đầu vào kính trước đó. Đây là tình tiết quan trọng để định khung hình phạt đối với bị cáo nhưng không thể bổ sung tại phiên toà được, bởi lẽ cần xác định rõ, nếu không có thương tích ở đầu do người bị hại tự gây ra thì các thương tích còn lại do các bị cáo gây ra làm giảm bao nhiêu phần trăm sức lao động. Toà án đã trả hồ sơ cho VKS yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ vấn đề trên.

- Vụ án Phạm Trung Đảm bị VKS truy tố về tội “Cướp tài sản”. Tuy nhiên, toàn bộ lời khai của Đảm trong giai đoạn điều tra đều mâu thuẫn, bất nhất, không theo logic của diễn biến tâm lý bình thường, thể hiện dấu hiệu tình trạng tâm thần không bình thường với những nội dung mang tính chất hoang tưởng. Đáng lẽ trong giai đoạn điều tra khi có nghi ngờ về tình trạng tâm thần của bị can làm ảnh hưởng đến năng lực trách nhiệm hình sự của họ thì cơ quan điều tra, (VKS) bắt buộc phải tiến hành trưng cầu giám định. Vì theo quy định tại Khoản 3 Điều 155 BLTTHS: Bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định: “Tình trạng tâm thần của bị can bị cáo trong trường hợp có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ”. Thay vì thực hiện các thủ tục trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật thì cơ quan điều tra mới chỉ có một biên bản xác minh về quá trình sinh hoạt của bị can tại địa phương qua cung cấp của trưởng thôn và một biên bản ghi lời khai của vợ bị can về biểu hiện tâm thần của Phạm Trung Đảm. Từ những phân tích trên, cùng với việc nhận được đơn đề nghị và các tài liệu của vợ bị can với nội dung Phạm Trung Đảm có biểu hiện của bệnh tâm thần từ đầu năm 2000. Toà án thấy rằng bị can Phạm Trung Đảm có dấu hiệu không bình thường về tình trạng tâm thần ngay từ giai đoạn thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa được cơ quan điều tra làm rõ. Đây là những chứng cứ quan

trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được. Do đó Toà án đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

- Vụ án Vũ Đông Chinh và đồng bọn bị VKS truy tố về tội “Giết người”. Chinh và đồng bọn đã dùng búa đập vào đầu, dùng tô vít đâm vào cổ, hõm vai, nách của người bị hại gây ra nhiều vết thương nguy hiểm. Tuy nhiên, kết luận giám định pháp y lại chỉ xác định người bị hại bị thương tích làm giảm 33% sức lao động. Xét thấy hành vi của bị can là nguy hiểm gây nhiều thương tích cho người bị hại trong khi đó tỷ lệ thương tích làm giảm 33% sức khỏe do đó Toà án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tật. Sau khi giám định lại, người bị hại được kết luận đã bị giảm 65% sức lao động vì thương tích do các bị can gây nên.

- Lee Cheng An bị VKS truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cáo trạng thể hiện bị can mua ma túy về để sử dụng vào việc chữa bệnh ung thư gan cho bản thân. Tuy nhiên, hồ sơ không có kết luận giám định về việc bị can bị bệnh ung thư gan. Toà án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ vấn đề này.

Thứ hai, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, trường hợp trả hồ sơ khi có căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

Có 46 trường hợp Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, chiếm tỷ lệ 28,7% số các vụ Toà án đã trả hồ sơ. Tỷ lệ này thay đổi theo từng năm: Năm 2011 chiếm tỷ lệ 33,3%, năm 2012 giảm xuống 25%, năm 2013 tăng lên 39,1%, năm 2014 giảm còn 18,2% nhưng năm 2015 lại tăng lên 38,46% [xem Bảng 2.3].

Một số ví dụ về việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác theo điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS.

- Vụ án Nguyễn Đức Quyền cùng đồng bọn bị truy tố về các tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng”. Ngoài Nguyễn Đức Quyền và tên chủ mưu cầm đầu thì chỉ có các tên Vũ Văn Hiến và Giang Văn Sách đã trực tiếp

đâm chết người bị hại bị truy tố về tội “Giết người”. Sau khi nghiên cứu về hồ sơ vụ án, toà án thấy rằng: Khi người bị hại đã bị đâm ngã xuống đường, các đối tượng Phạm Thanh Cảnh, Phạm Thành Lâm và Nguyễn Văn Công đều có mặt xung quanh, dùng hung khí tiếp tục đâm chém vào người bị hại. Trần Xuân Tiến còn dùng chân đá vào người bị hại xem đã chết chưa. Các bị cáo trên đều nhận thức được hành vi của mình có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của người bị hại nhưng vẫn thực hiện, vì vậy, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm đối với hậu quả chết người đã xảy ra. Toà án đã trả hồ sơ cho VKS điều tra bổ sung để thay đổi tội danh, truy tố các bị cáo Trần Xuân Tiến, Phạm Thanh Cảnh, Phạm Thành Lâm và Nguyễn Văn Công đồng phạm tội “Giết người”.

- Vụ án Nguyễn Văn Nam bị truy tố về tội “Giao cấu với trẻ em”. Nam có quan hệ yêu đương và nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với người bị hại mới 15 tuổi. Tuy nhiên, theo lời khai của Nam và người bị hại còn thể hiện việc Nam đã có quan hệ tình dục với người bị hại từ khi người bị hại dưới 13 tuổi. Như vậy, ngoài việc bị truy tố về tội “Giao cấu với trẻ em” thì Nam còn có dấu hiệu phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”. Toà án đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung, truy tố thêm đối với Nguyễn Văn Nam về tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Thứ ba, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, trường hợp trả hồ sơ khi có căn cứ theo Điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo trường hợp này có số lượng không nhiều (23 vụ, chiếm tỷ lệ 14,4%) nhưng có diễn biến khá phức tạp: Nếu năm 2011 không có trường hợp nào Toà án trả hồ sơ vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì đến năm 2012 đã có 07 trường hợp phải trả hồ sơ vì lý do này chiếm tỷ lệ 17,5%. Năm 2013 tỷ lệ này là 17,4%, năm 2014 tăng lên 18,2% và năm 2015 giảm xuống còn 15,4 % [xem Bảng 2.3].

Các vi phạm thủ tục tố tụng thường gặp là không hoàn tất thủ tục tổng đạt cáo trạng cho bị cáo tại ngoại, các bản tự khai của bị can không có chữ ký của Điều tra viên, không thực hiện đúng các trình tự luật định khi thu thập vật chứng,

khám xét, nhận dạng, đối chất và đặc biệt là không đảm bảo quyền được bào chữa cho bị can theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 BLTTHS.

Một số ví dụ về việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

- Vụ án Hoàng Văn Tám và Nguyễn Thị Ngát bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị can đều có bản tự khai về hành vi phạm tội của mình nhưng trong các bản tự khai của bị can không có chữ ký xác nhận của Điều tra viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 132 BLTTHS. Hồ sơ vụ án được Tòa án trả lại để điều tra bổ sung, khắc phục sai phạm trên.

- Vụ án Hoàng Văn Mạnh và đồng bọn bị truy tố về tội “Cướp tài sản”. Trong giai đoạn điều tra, những người bị hại đã khai mạo tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ nên đã xác định nhầm căn cước của người bị hại. Khi kiểm tra căn cước tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phát hiện thấy người được triệu tập đến phiên tòa không phải là người bị hại trong vụ án. Do đó Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, xác định đúng căn cước, lai lịch của người bị hại.

- Vụ án Đoàn Văn Hòa bị truy tố về tội “Giết người” theo Khoản 1 Điều 93 BLHS khung hình phạt có mức hình phạt cao nhất là tử hình nhưng tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra không chỉ định người bào chữa cho bị can. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Bộ luật TTHS đối với bị can bị cáo bị truy tố về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định trong Bộ luật hình sự nếu bị can bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phải yêu cầu đoàn luật sư phân công hoặc Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình. Việc cơ quan điều tra không mời người bào chữa cho bị can Đoàn Trung Hòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo Điểm a Khoản 2 Điều 57 BLTTHS. Do đó Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung để khắc phục vi phạm này.

Thứ tư, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì lý do khác:

Trong thực tiễn xét xử, ngoài các căn cứ nêu trên, Toà án còn trả hồ sơ vì các lý do khác nằm ngoài quy định của Điều 179 BLTTHS như để chuyển, tách, nhập vụ án, để Toà án có căn cứ áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo Điểm d Khoản 1 Điều 314 BLTTHS hoặc do VKS đề nghị được rút hồ sơ để xem xét lại việc truy tố... Tỷ lệ trả hồ sơ vì các lý do này so với các trường hợp khác không nhiều (16 vụ, chiếm tỷ lệ 10% các vụ Toà án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung) và ít thay đổi qua từng năm [xem Bảng 2.3].

Một số nhận xét đánh giá về thực trạng tình hình trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Thứ nhất: So với tổng số các vụ án hình sự sơ thẩm đã được hai cấp Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết xét xử trong 05 năm (từ 2011 đến 2015), các vụ trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung chiếm tỷ lệ không nhiều (2,2%).

Thứ hai: Nguyên nhân Toà án trả hồ sơ trả hồ sơ để điều tra bổ sung phần lớn là vì cần xem xét những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được (chiếm tỷ lệ 46,9%), Căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác (chiếm tỷ lệ 28,7%). Phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (chiếm tỷ lệ 14,4%). Trả hồ sơ vì những lý do khác (chiếm tỷ lệ 10%).

Thứ ba: Đa số các trường hợp Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong thời hạn chuẩn bị xét xử (chiếm tỷ lệ 92,5%) nhưng cũng có những trường hợp từ kết quả điều tra công khai tại phiên toà, Toà án mới quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung (chiếm tỷ lệ 7,5%).

Thứ tư: Chất lượng việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhìn chung là đạt yêu cầu, thể hiện ở các tiêu chí:

- Số vụ Tòa án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần không nhiều (chiếm 5%);
- Các vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung phần lớn được VKS chấp nhận, thực hiện các yêu cầu điều tra bổ sung (74,3% số vụ trả hồ sơ để điều tra

bổ sung đã được VKS chấp nhận). Tỷ lệ các vụ được VKS chấp nhận có chiều hướng năm sau tăng hơn năm trước.

- Trong số những vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có 25,7% số vụ án không được VKS chấp nhận. Tuy nhiên, trong số 41 vụ Tòa án trả hồ sơ không được VKS chấp nhận, Tòa án đã kiến nghị trong Bản án về những vấn đề chưa được điều tra bổ sung đối với 26 vụ. Trong số những vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có 15 vụ Tòa án trả hồ sơ không có căn cứ (chiếm 9,4% số vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung)

- Hầu hết các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án đều tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục luật định, áp dụng theo đúng mẫu do TANDTC hướng dẫn, ban hành.

Tóm lại: Thực trạng của tình hình trên cho thấy chất lượng của việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung đang được nâng cao trong khi số lượng các vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung đang có chiều hướng giảm xuống. Điều này thể hiện năng lực của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm tại Hải Phòng đã từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cải cách tư pháp. Tuy nhiên, hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thời gian qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần được làm rõ nguyên nhân và có giải pháp khắc phục để đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Về tình trạng trả hồ sơ nhiều lần

Trong thực tiễn thời gian qua, có những trường hợp Tòa án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần trước khi đưa vụ án ra xét xử. Tình trạng này dẫn đến việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến tiến độ xét xử, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, gây lãng phí thời gian và tiền của của Nhà nước.

Việc Tòa án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần chủ yếu do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất: Những vấn đề Tòa án đã yêu cầu trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung không được điều tra bổ sung hoặc tuy đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu, còn phiên diện chưa triệt để. Trường hợp này thuộc về trách nhiệm của Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra.

Thứ hai: Tất cả các vấn đề cần điều tra bổ sung trong vụ án chưa được phát hiện và nêu hết trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Chỉ sau khi đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ nhất, Tòa án mới phát hiện thấy còn những vấn đề cần phải điều tra bổ sung nên lại tiếp tục trả hồ sơ điều tra bổ sung dẫn đến vụ án kéo dài. Trường hợp này trách nhiệm thuộc về Tòa án.

Ngoài ra cũng có những trường hợp từ kết quả điều tra bổ sung lần thứ nhất, Tòa án xét thấy cần điều tra bổ sung vấn đề mới phát sinh trong vụ án nên cũng ra quyết định trả hồ sơ để tiếp tục điều tra bổ sung.

Về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung không đúng

Thứ nhất việc Tòa án trả hồ sơ không đúng về hình thức

Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã hướng dẫn: Trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải nêu rõ thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại các điểm a, b, c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS và những vấn đề cụ thể cần điều tra bổ sung. Không được nêu kết quả điều tra bổ sung có ý nghĩa như thế nào đối với việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, vẫn còn các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án chưa tuân thủ theo hướng dẫn này. Những yêu cầu và căn cứ để điều tra bổ sung không được nêu rõ trong quyết định. Cá biệt, có những trường hợp còn nêu rõ ảnh hưởng của kết quả điều tra bổ sung đối với việc định khung hình phạt.

Đối với các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ hai, Thông tư liên tịch số 01/2010 đã hướng dẫn cụ thể: Trong quyết định phải ghi rõ lần trả thứ hai. Ngoài ra, trong quyết định cũng phải nêu rõ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung thuộc trong trường hợp nào trong những trường hợp sau: Những vấn đề

yêu cầu điều tra bổ sung lần trước chưa được điều tra bổ sung hoặc đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung làm phát sinh vấn đề mới cần điều tra (Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2010). Mặc dù đã có hướng dẫn trên nhưng còn nhiều các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ lần thứ hai của Toà án đều chưa tuân thủ triệt để quy định này.

Không đúng về nội dung

Trong số những vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có 15 trường hợp trả hồ sơ nhưng không được VKS chấp nhận. Viện kiểm sát không chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật hoặc yêu cầu điều tra bổ sung không khả thi (ví dụ: Yêu cầu dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông, vụ án cướp giật tài sản xảy ra đã lâu ngày, không còn khả năng khôi phục lại các dấu vết do sinh hoạt đã bị xáo trộn, yêu cầu lấy lời khai của người làm chứng đã đi khỏi địa phương, không có tin tức, địa chỉ...). Vì những lý do trên nên VKS có văn bản giữ nguyên quyết định truy tố. Sau đó Tòa án xét xử vụ án như đề nghị của VKS và không có cơ sở để kiến nghị trong bản án về những yêu cầu điều tra bổ sung chưa được thực hiện. Việc trả hồ sơ trong những trường hợp này, trách nhiệm thuộc về Tòa án.

Về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại phiên tòa

Tại phiên tòa, qua việc xét hỏi công khai, nếu xét thấy có các căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 179 BLTTHS thì việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là cần thiết. Tuy nhiên với những trường hợp Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có thể phát hiện và trả hồ sơ để điều tra bổ sung ngay trong thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng phải đến khi ra phiên tòa mới quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung là chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, gây ảnh hưởng tới tiến trình giải quyết vụ án.

Ví dụ: Trong hồ sơ vụ án trộm cắp tài sản thì việc xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt và xác định người bị hại là những yếu tố bắt buộc để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Những vấn đề này nếu chưa được làm rõ trong quá trình điều tra thì ngay sau khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán cần trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung trước khi đưa vụ án ra

xét xử. Việc đề đến tại phiên toà Hội đồng xét xử mới trả hồ sơ để điều tra bổ sung là thiếu sót của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa.

Một số hạn chế khác

Việc Toà án trả hồ sơ vì các lý do khác không theo các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 179 BLTTHS

Có 16 vụ Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo đề nghị của VKS để chuyển, tách, nhập vụ án hoặc khi VKS có công văn đề nghị rút hồ sơ để xem xét lại các căn cứ truy tố. Thực tế này gây lúng túng cho Thẩm phán khi áp dụng pháp luật bởi nó không thuộc các căn cứ để Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng nếu không trả hồ sơ cho VKS thì Toà án cũng không thể tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vì không có sự tham gia của VKS cùng cấp. Giải pháp tình thế là Toà án ra quyết định trả hồ sơ với lý do “theo đề nghị của Viện kiểm sát”.

Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung để “hợp lý hoá” thời hạn tố tụng:

Đối với một số vụ án phức tạp, khi thời hạn điều tra, truy tố đã hết nhưng vẫn chưa đủ căn cứ chắc chắn thì VKS vẫn chuyển hồ sơ cho Toà án để khi Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung sẽ có thêm thời hạn điều tra tiếp. Cách vận dụng này là nhằm có thêm thời gian điều tra đối với những trường hợp do khó khăn khách quan nên chưa thể kết thúc vụ án trọn vẹn được. Tuy nhiên, nếu lạm dụng quy định này trong thực tiễn sẽ dẫn đến tình trạng các cơ quan tiến hành tố tụng “phối hợp” với nhau để kéo dài thời hạn tố tụng, giúp nhau “khắc phục” những sai sót trong tố tụng hình sự, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ví dụ: Trần Đăng Học và đồng bọn có hành vi dùng ô tô chở hàng cấm (là động vật quý hiếm). Khi bị lực lượng kiểm lâm phát hiện, kiểm tra Học đã ra lệnh cho lái xe là Trần Hồng Quang lái xe bỏ chạy. Khi xe đang chạy với tốc độ cao, Học ra lệnh cho phụ xe gạt tay hai cán bộ kiểm lâm là Mai Duy Bình và Phạm Văn Long đang bám vào cửa xe ngã xuống đường. Hậu quả làm anh Bình bị chết, anh Long bị thương làm giảm 44% sức lao động. VKS đã truy tố các bị cáo về tội giết người. Thời hạn truy tố đã hết, VKS chuyển hồ sơ cho Tòa án.

Qua nghiên cứu hồ sơ Tòa án nhận thấy các bị cáo đều phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp, do đó hậu quả đến đâu, phải chịu trách nhiệm đến đó. VKS chỉ truy tố các bị cáo về tội giết người nhưng không truy tố thêm về tội Cố ý gây thương tích (đối với hành vi gây thương tích cho anh Long) là bỏ lọt tội phạm. Vì vậy Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu VKS truy tố bổ sung đối với các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích.

Nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Những tồn tại hạn chế trong trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của TAND thành phố Hải Phòng như phân tích ở trên là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

Nguyên nhân khách quan

Một là: Do tình hình tội phạm ngày càng diễn biến hết sức phức tạp với quy mô, tính chất, mức độ và thủ đoạn ngày càng tinh vi gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử đặc biệt là trên địa bàn Hải Phòng, một thành phố cảng lớn đang trong thời kỳ mở cửa. Nhiều vụ án phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, địa điểm gây án ở nơi hẻo lánh, không có người làm chứng nên công tác điều tra và kiểm sát gặp nhiều khó khăn trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Một số loại tội có nhiều đối tượng tham gia nên việc xác minh gặp nhiều khó khăn nên việc thiếu sót trong công tác điều tra là không thể tránh khỏi. Một số vụ án có nhiều tình huống phát sinh ngoài dự kiến nên việc nhận định đánh giá chứng cứ, điều tra vụ án chưa toàn diện từ đó dẫn đến một số vụ án còn thiếu chứng cứ, nhiều tình tiết chưa được làm rõ mà không thể khắc phục được nên phải trả hồ sơ thậm chí trả hồ sơ nhiều lần.

Hai là: Tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng còn nhiều bất hợp lý, chậm đổi mới cho phù hợp với tình hình. Quan điểm về đánh giá chứng cứ, xác định tội danh và đường lối xử lý

còn thiếu thống nhất giữa những cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là đối với những vụ án lớn, phức tạp.

Ba là: Hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự còn chưa thật hoàn thiện, thiếu tính đồng bộ, còn nhiều kẽ hở chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Trong khi đó công tác hướng dẫn về nhận thức pháp luật và áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng không thống nhất về đánh giá chứng cứ, tội danh cũng như đường lối xử lý vụ án. Các quy định về căn cứ để trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn khá chung chung dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau nên việc áp dụng pháp luật trong hoạt động này chưa thống nhất. Điều này dẫn đến trong thực tế việc hiểu và áp dụng pháp luật giữa cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có vụ có nơi chưa thống nhất.

Trong quá trình thực hiện Thông tư 01/2010/TTLT- VKSNDTC- BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 việc nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn chưa thống nhất với điểm c Khoản 3 Điều 1 “ Không trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử được hoặc không thể thu thập được” dẫn đến vận dụng còn thiếu thống nhất, nhất là các vụ án trả hồ sơ không có căn cứ Viện kiểm sát không chấp nhận. Thông tư 01 mới quy định về việc xác định trách nhiệm trong việc trả hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng chưa quy định chế tài cụ thể đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi có lỗi trong việc trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bốn là: Hoạt động hỗ trợ tư pháp có lúc chưa theo kịp đòi hỏi của hoạt động tố tụng về căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục, thời gian. Công tác phối hợp giữa hoạt động tiến hành tố tụng với các hoạt động hỗ trợ tư pháp như giám định, bào chữa, trợ giúp pháp lý còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Do đó có vụ án do căn cứ vào kết quả giám định, Viện kiểm sát truy tố nhưng Tòa án thấy không đủ cơ sở nên trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Năm là: Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ nhất là ở cấp huyện. Phương tiện làm việc lạc hậu, chính sách cán bộ chưa tương xứng với nhiệm vụ và chức trách được giao, kinh phí cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử án hình sự còn hạn hẹp. Trên thực tế, có những trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng đùn đẩy trách nhiệm trung cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị can (bị cáo) có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần chỉ vì lý do thiếu kinh phí trả cho việc giám định. Mặt khác trong quá trình tiến hành tố tụng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị oan sai theo Luật bồi thường Nhà nước nên một số người tiến hành tố tụng tỏ ra dè dặt, thận trọng trong việc đấu tranh xử lý tội phạm, từ đó tìm mọi lý do để trả hồ sơ điều tra bổ sung mặc dù lý do đó không cần thiết hoặc thiếu căn cứ.

Nguyên nhân chủ quan

Một là: Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của một bộ phận cán bộ công chức trong cơ quan tiến hành tố tụng chưa cao, trình độ không đồng đều, yếu về trình độ và năng lực chuyên môn, chưa dành thời gian hợp lý cho việc nghiên cứu các văn bản pháp quy và hướng dẫn về nghiệp vụ.

Hai là: Một số điều tra viên vẫn tồn tại tâm lý ngại có luật sư tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra nên chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư thực hiện chức năng bào chữa của mình. Đối với những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 BLTTHS thì việc thực hiện các thủ tục bào chữa cho bị can nhiều khi chỉ mang tính đối phó, không thực sự có hiệu quả.

Ba là: Một số Kiểm sát viên chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc ngay từ giai đoạn kiểm sát điều tra, xây dựng hồ sơ, không phát hiện được những vấn đề cần phải chứng minh làm rõ trong điều tra hình sự, không đề ra được những yêu cầu điều tra cần thiết dẫn đến việc khi hồ sơ đã chuyển sang Toà án mà những chứng cứ quan trọng vẫn chưa được củng cố vững chắc để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Bốn là: Một số Thẩm phán chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, việc đánh giá chứng cứ không toàn diện, không đúng, không phát hiện kịp thời những vấn đề cần điều tra bổ sung để làm căn cứ xác định sự thật khách quan của vụ án nên dẫn đến việc trả hồ sơ tùy tiện, thiếu căn cứ pháp luật. Thực tế cho thấy một số Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa xét xử sơ thẩm chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện nên khi trả hồ sơ Viện kiểm sát không chấp nhận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, kết quả Hội đồng xét xử vẫn tuyên bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát. Một số Thẩm phán không thực hiện mối quan hệ phối hợp được quy định tại điều 10 Thông tư 01, khi phát hiện những thiếu sót đơn giản có thể khắc phục được hoặc có thể bổ sung tại phiên tòa nhưng Thẩm phán không trao đổi với Kiểm sát viên để khắc phục mà thực hiện ngay việc trả hồ sơ. Một số Thẩm phán còn nặng về thành tích, trả hồ sơ không có căn cứ, tùy tiện, biết trả hồ sơ Viện kiểm sát không chấp nhận nhưng vẫn trả hồ sơ làm cho vụ án bị kéo dài.

Năm là: Sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả. Chưa xây dựng được quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Vẫn còn tình trạng Tòa án cứ trả hồ sơ, VKS không tiến hành điều tra bổ sung mà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố mặc dù chưa xem xét việc trả hồ sơ của Tòa án có căn cứ hay không. Điều này gây nên sự căng thẳng trong mối quan hệ công tác giữa hai cơ quan tiến hành tố tụng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

Sáu là: Lãnh đạo các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thường xuyên tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm phát hiện kịp thời những tồn tại, hạn chế và đề ra biện pháp khắc phục. Chưa thường xuyên và nghiêm túc thực hiện việc tổ chức kiểm điểm với những trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung không có căn cứ pháp luật, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ, kịp thời yêu cầu điều tra hoặc quyết định trả hồ

sơ để điều tra bổ sung nhằm xác định trách nhiệm cụ thể của từng người tiến hành tố tụng ở mỗi cấp có liên quan để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận văn đã đánh giá quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Những nghiên cứu ở chương này cho thấy bên cạnh những ưu điểm, kết quả thì quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn còn chứa đựng những hạn chế, bất cập. Đây là vấn đề cần phải nhận thức rõ, rút kinh nghiệm nghiêm túc để nâng cao chất lượng công tác, hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1. Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự phải xuất phát từ các yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân và yêu cầu cải cách tư pháp đã được đề ra trong Nghị quyết của Đảng qua các thời kì:

Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã đề ra nhiệm vụ: “Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 6/1997) đã đề ra nhiệm vụ cải cách tư pháp: Các cơ quan tư pháp phải mẫu mực trong việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, phải thể hiện công lý, tính dân chủ, công khai trong hoạt động của mình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; Khắc phục tình trạng các cơ quan tiến hành tố tụng xét xử không công minh, vi phạm quyền dân chủ của công dân.

Đại hội Đảng lần thứ IX tiếp tục khẳng định các nội dung đã nêu trên: “Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra... xét xử, thi hành án”, “tăng cường đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân về cả số lượng và chất lượng”.

Trên cơ sở đó, ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị ban hành nghị quyết số 08-NQ/TW về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*” đã đề ra yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới như đảm bảo tính dân chủ và tính khách quan trong hoạt động tư pháp, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc hiến định, đặc biệt đề cao vấn đề tranh tụng tại phiên tòa.

Tại Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (tháng 01/2004) tiếp tục đề ra một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng về cải cách tư pháp, theo đó: Tiếp tục củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan điều tra các cấp. Đổi mới công tác xét xử của Tòa án về tất cả các loại án khi xét xử theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên tòa, coi trọng kết quả tranh tụng ở Tòa án khi kết án, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp.

Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xác định mục tiêu chiến lược là: Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết xác định Tòa án giữ vai trò trung tâm trong hệ thống tư pháp, trong đó hoạt động xét xử là khâu đột phá của quá trình cải cách tư pháp trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI nhấn mạnh: Đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp. Đổi mới hệ thống tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với các khiếu kiện hành chính.

Quán triệt và triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết và các văn kiện của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; tiếp tục thực hiện quy định của Hiến pháp năm 2013 và các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội về công tác tư pháp và cải cách tư pháp; tổ chức triển khai thực hiện các Luật, Pháp lệnh được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua có liên quan tới tổ

chức và hoạt động của Tòa án. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, đảm bảo các phán quyết của Tòa án phải đúng pháp luật, đảm bảo công lý, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Xây dựng Đề án biên chế cán bộ, Thẩm phán của các Tòa án, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh và triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước; tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, gắn với việc khắc phục những tồn tại, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình của cán bộ, Đảng viên Tòa án các cấp theo tinh thần Nghị quyết TW4; kết hợp với thực hiện cuộc vận động “Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp”; gắn với chủ đề thi đua “Phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” với phương châm “phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”...

Quán triệt những quan điểm nêu trên của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tế của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, để giải quyết các vụ án hình sự nói chung và trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự nói riêng có hiệu quả và hiệu lực cao, cần bảo đảm các quan điểm sau:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ 12 thể hiện: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam

trong khu vực và trên thế giới.

Trên cơ sở quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc thực hiện các quan điểm, nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực đã nêu trong Báo cáo chính trị và Báo cáo kinh tế - xã hội, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo cho hoạt động của Tòa án ngày càng đạt chất lượng cao hơn và luôn đi đúng phương hướng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng không có nghĩa là tổ chức đảng và đảng viên can thiệp vào hoạt động chuyên môn của Tòa án mà thường xuyên giám sát hoạt động của Tòa án, đánh giá về phẩm chất đạo đức, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong ngành Tòa án. Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở phương diện chỉ đạo Tòa án theo đường lối xét xử nghiêm minh, công bằng, đúng pháp luật, tạo được lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Tòa án nói riêng và sự lãnh đạo của Đảng nói chung. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhằm nâng cao chất lượng các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đẩy nhanh tiến độ giải quyết, xét xử, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng trong tình hình mới.

Bảo đảm tính độc lập của Tòa án trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Tính độc lập của Tòa án thể hiện ở việc Thẩm phán và HTND chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử. Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một nguyên tắc hiến định và được thể hiện tại Điều 103 Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa tại Điều 16 của BLTTHS. Sự độc lập của Tòa án trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung được thể hiện qua hai khía cạnh:

Một là, khi tiến hành hoạt động này, Thẩm phán, HĐXX không phụ thuộc vào quan điểm, kết luận của các cơ quan tiến hành tố tụng trước đó như Cơ quan Điều tra, VKS. Trên cơ sở chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả

điều tra xét hỏi tranh tụng công khai tại phiên tòa; nếu có các căn cứ theo Khoản 1 Điều 179 BLTTHS thì Thẩm phán (HĐXX) ra quyết định trả hồ sơ để yêu cầu VKS điều tra bổ sung mà không phụ thuộc vào kết luận của các cơ quan tiến hành tố tụng trước đó, cũng như không chịu bất cứ sự tác động nào của Tòa án cấp trên hoặc các cơ quan, tổ chức xã hội khác.

Hai là, các thành viên của HĐXX phải độc lập với nhau trong việc xem xét, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Thẩm phán và HTND ngang quyền, độc lập trong việc thực hiện quyền biểu quyết khi thảo luận về việc ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Bảo đảm pháp chế XHCN trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Pháp chế XHCN là một chế độ đặc biệt của đời sống chính trị - xã hội. Trong đó tất cả các cơ quan tổ chức và mọi công dân đều phải tôn trọng và thực hiện pháp luật một cách nghiêm chỉnh và chính xác. Quan điểm bảo đảm pháp chế trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm được xác định theo hai khía cạnh như sau:

Thứ nhất: Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là một chế định trong BLTTHS nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố để xử lý vụ án một cách toàn diện, triệt để. Tuy nhiên, trả hồ sơ để điều tra bổ sung cũng dẫn đến hậu quả việc xử lý vụ án kéo dài, gây tổn kém về thời gian, vật chất cho xã hội, làm giảm hiệu quả phòng chống tội phạm do mất đi tính thời sự. Vì vậy, hạn chế trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên cơ sở áp dụng nghiêm chỉnh và chính xác các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, giải quyết vụ án là một yêu cầu cần thiết.

Thứ hai: Việc hạn chế không trả hồ sơ để điều tra bổ sung là nhằm nâng cao chất lượng giải quyết vụ án nói chung, tăng cường trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng chứ không phải là yêu cầu riêng trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Điều đó có nghĩa là khi đã có những căn cứ tại Khoản 1 Điều 179 BLTTHS thì Tòa án bắt buộc phải thực hiện việc trả hồ sơ để điều tra bổ

sung theo đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nhằm giải quyết vụ án một cách chính xác, khách quan. Yêu cầu đặt ra ở đây là cần nâng cao chất lượng nhưng đồng thời phải hạn chế số lượng các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung

3.2. Các giải pháp bảo đảm hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Để bảo đảm chất lượng trong việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

3.2.1. Giải pháp đổi mới sự lãnh đạo của Đảng với hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội là một nguyên tắc quan trọng được ghi nhận trong Hiến pháp. Khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: “TAND là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”, một quyền lực trụ cột trong bộ máy Nhà nước. Do đó, nhiệm vụ, trọng trách của Tòa án nặng nề hơn, đòi hỏi Tòa án phải đẩy mạnh thực hiện các giải pháp cải cách tư pháp; nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân trong việc bảo vệ công lý và công bằng xã hội. Hoạt động của Tòa án nhân dân cũng như các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Tòa án nhân dân là nội dung rất quan trọng và cần thiết. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Tòa án để đảm bảo phát huy đầy đủ vị trí, vai trò của Tòa án để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo luật định, duy trì bảo vệ nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, vì sự công bằng, dân chủ, nghiêm minh trong tổ chức thi hành pháp luật.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng với hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự thể hiện ở những mặt sau:

Một là: Cần tiếp tục hoàn thiện quy chế lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác xét xử. Không để xảy ra tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Hai là: Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên. Quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ đảng viên có chức danh tư pháp vào vị trí phù hợp với năng lực và yêu cầu công tác.

Ba là: Các cấp ủy Đảng ở địa phương cần tăng cường sự phối hợp với TAND Tối cao trong công tác tổ chức cán bộ của Toà án cấp tỉnh và cấp huyện, nhất là việc xem xét quy hoạch cán bộ lãnh đạo Tòa án tham gia cấp ủy cùng cấp.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

Trong quá trình cải cách tư pháp hiện nay, khi bàn về việc sửa đổi, bổ sung BLTTHS hiện hành, có những quan điểm khác nhau về chế định “Trả hồ sơ để điều tra bổ sung”.

Thực tế các quy định của BLTTHS về chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung là tương đối đầy đủ, phù hợp với thực tiễn giải quyết vụ án và phù hợp với mô hình tranh tụng hiện nay, mặt khác vì thực tiễn xét xử nhiều năm qua, không có vướng mắc về vấn đề này bởi lẽ: Mỗi cơ quan tiến hành tố tụng có chức năng, nhiệm vụ riêng được pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng đều có chung một nhiệm vụ là bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ chung quan trọng bậc nhất này đã gắn kết các cơ quan tiến hành tố tụng trong một hệ thống thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngoài các chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tố tụng, việc phối hợp, hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình giải quyết một vụ án hình sự là một đòi hỏi không thể thiếu dưới chế độ XHCN. Không thể nói chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà BLTTHS quy định tại Điều 179 đã trao vào tay Tòa án quyền buộc tội vì lý do: Tòa án có quyền yêu cầu Viện kiểm sát điều tra, bổ sung những chứng cứ quan trọng, xác định một tội danh khác nặng hơn, xác định diện truy tố hoặc sửa chữa những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Đây là quan điểm của Tòa án sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hoặc khi đã đưa vụ án ra xét xử tại phiên toà.

Quan điểm này của Tòa án có thể được Viện kiểm sát chấp nhận nhưng cũng có thể không được Viện kiểm sát chấp nhận. Các quan điểm đó trong quá trình giải quyết vụ án không phải là sự buộc tội của Tòa án đối với bị cáo vì nếu Viện kiểm sát không chấp nhận thì Tòa án cũng không buộc tội theo quan điểm của mình được. Mặt khác, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc người tiến hành tố tụng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2010 là biện pháp đảm bảo việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời, cũng đảm bảo tính chế ước, sự hợp tác của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đảm bảo quyền con người, bảo vệ Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật do nhà nước ban hành.

3.2.3. Giải pháp nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân

Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW (năm 2002), và Nghị quyết số 49-NQ/TW (năm 2005) của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; trên cơ sở Kết luận số 92-KL/TW (12-3-2014) của Bộ Chính trị, một số vấn đề trọng tâm trong công tác xây dựng pháp luật đã được tiến hành triển khai. Hiến Pháp 2013 quy định Tòa án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, bảo vệ quyền con người. Đảng đặt ra mục tiêu cải cách tư pháp là để bảo vệ quyền con người và có thể nói quyền con người trở thành mục tiêu của cải cách tư pháp..

Cải cách tòa án là khâu đột phá trong cải cách tư pháp, bởi vì trong hệ thống các cơ quan tư pháp, tòa án có vai trò đặc biệt quan trọng. Phán quyết của tòa án thể hiện kết quả cuối cùng của tiến trình tố tụng: tuyên bố một công dân có tội hoặc không có tội, đúng hoặc sai. Vì lẽ đó, tòa án là nơi thể hiện sâu sắc nhất bản chất của nhà nước và nền công lý nước ta ; đồng thời thể hiện chất lượng hoạt động và uy tín của hệ thống tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sức mạng của tòa án được thể hiện ở chỗ nó là công cụ để bảo vệ công lý và sự công bằng xã hội. Cải cách tòa án là tạo ra các điều kiện và các phương tiện tố tụng tối ưu để giải quyết các vụ án đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh. Trong cải cách tư pháp, hoạt động xét xử được coi là khâu trung tâm

vì ở đây biểu hiện sự tập trung và thể hiện đầy đủ quyền tư pháp, là nơi mà trên cơ sở các kết quả điều tra, truy tố và tranh tụng, các Tòa án nhân danh Nhà nước đưa ra phán xét một người có tội hay không có tội và áp dụng hình phạt đối với tội phạm. Do vậy một phán xét chính xác, khách quan và đúng pháp luật hay không, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân có được bảo đảm hay không phụ thuộc vào quá trình điều tra, truy tố và xét xử, tranh tụng từ phía cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Trong mọi công việc, vấn đề cán bộ - con người là nhân tố quan trọng nhất của tổ chức. Trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân thì chủ thể áp dụng pháp luật là Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Tòa án áp dụng pháp luật nhằm bảo vệ công lý, mang lại sự công bằng, đảm bảo xã hội được ổn định và phát triển. Do vậy, đòi hỏi cán bộ Tòa án nói chung, Thẩm phán nói riêng và Hội thẩm nhân dân phải có trình độ chuyên môn cao, hiểu biết xã hội rộng, kỹ năng thuần thục và đạo đức nghề nghiệp trong sáng.

Để có được đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới thì phải tiếp tục kiện toàn về tổ chức, tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh, có lộ trình từng bước bổ sung đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhất là đối với Thẩm phán. Cụ thể phải thực hiện đồng bộ các nội dung sau:

Một là: Đối với Thẩm phán đương nhiệm cần tiến hành rà soát cả về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác và phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, từ đó có kế hoạch bố trí sắp xếp công việc hợp lý, khoa học. Nếu có Thẩm phán yếu về năng lực chuyên môn cần phải tiếp tục bồi dưỡng hoặc chuyển công tác khác. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, kiện toàn bộ máy tổ chức và làm tốt công việc bồi dưỡng về nghiệp vụ, phẩm chất chính trị cho Thẩm phán, là giải pháp trực tiếp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động giải quyết các vụ án hình sự.

Hai là: Bên cạnh việc kiểm tra, rà soát đội ngũ Thẩm phán đương nhiệm cần phải có kế hoạch xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận, những Thẩm phán tương lai mà nguồn chủ yếu là đội ngũ Thư ký, Thẩm tra viên. Những người này đều là cán bộ trẻ, có trình độ, tâm huyết với nghề nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm. Ngoài việc bồi dưỡng, đào tạo họ về chuyên môn nghiệp vụ (cử đi học tập, tập huấn thường xuyên, khuyến khích đi học sau đại học) cần phải được rèn luyện trong thực tế, phải bồi dưỡng, đào tạo về lý luận chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức. Thực hiện được điều này cũng chính là thực hiện chiến lược đào tạo con người trong tiến trình cải cách tư pháp trong giai đoạn mới.

Ba là: Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, cập nhật các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp cấp trên, đặc biệt là các hướng dẫn về thủ tục tố tụng hình sự (như Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, các Thông tư liên tịch của TAND Tối cao, VKSND Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp...). Tiếp tục quán triệt những chủ trương, nhiệm vụ về cải cách tư pháp đã được đề ra trong các Nghị quyết số 08/NQ –TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã được cụ thể hoá trong mục tiêu, chương trình hành động của TAND Tối cao và Ban chỉ đạo cải cách tư pháp thành phố Hải Phòng.

Bốn là: Đề cao công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiêu chí hoá lời huấn dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với công tác Tòa án; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện cuộc vận động “Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ công chức ngành Tòa án”, gắn với phong trào thi đua “Phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư” với phương châm “gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”. Khen thưởng kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác và tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước của ngành, đồng thời cũng kịp thời phát hiện những vi

phạm để có biện pháp uốn nắn và xử lý nghiêm.

3.2.4. Giải pháp tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

- Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành Tòa án. Việc tổng kết rút kinh nghiệm, tìm ra những hạn chế, nguyên nhân nhân và giải pháp khắc phục những hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án có ý nghĩa rất quan trọng đối với yêu cầu bảo đảm chất lượng áp dụng pháp luật của hoạt động này. Bên cạnh việc tổng kết hàng năm, theo định kỳ (hàng tháng, hàng quý) Tòa án cũng cần tự đánh giá, xác định số vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong đó, phải phân tích lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung về chứng cứ, về tố tụng, số vụ trả có căn cứ, số vụ trả không có căn cứ; xác định nguyên nhân và trách nhiệm trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung không có căn cứ pháp luật để có biện pháp khắc phục và xử lý kịp thời.

- Cùng với việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động trả hồ sơ Tòa án cần thường xuyên tổ chức các chuyên đề nghiên cứu khoa học phục vụ công tác xét xử trong đó có các chuyên đề riêng về trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc xây dựng chuyên đề cần có sự tham gia của cả ba cơ quan tiến hành tố tụng là Công an, Viện Kiểm sát và Tòa án. Chuyên đề cần được đưa ra hội thảo và áp dụng vào thực tiễn công tác để phát huy hiệu quả.

- Một giải pháp quan trọng nữa nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự là cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan và cá nhân những người tiến hành tố tụng trên cơ sở đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Hạn chế tới mức thấp nhất, tiến tới loại bỏ tình trạng trả hồ sơ nhiều lần, trả hồ sơ để “hợp lý hoá” thời hạn tố tụng. Cần xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2010 để thống nhất vận dụng trong thực tiễn.

Liên ngành tổ tụng Thành phố cần tổ chức sơ kết việc thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2010 theo định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm đối với việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, hạn chế để làm rõ nguyên nhân và kiểm điểm nghiêm túc đối với những cá nhân có trách nhiệm.

3.2.5. Giải pháp tăng cường cơ sở vật chất, chế độ, chính sách đối với Thẩm phán, cán bộ Tòa án

Việc xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở, đầu tư trang thiết bị hiện đại, tăng thêm kinh phí hoạt động của Tòa án các cấp đáp ứng yêu cầu công tác xét xử hiện nay và yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới là một nhiệm vụ quan trọng của ngành TAND. Yêu cầu bắt buộc đối với Thẩm phán phải nắm chắc các đạo luật cơ bản; trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong BLTTHS, BLHS. Thường xuyên nghiên cứu và cập nhật, tích lũy các văn bản quy phạm pháp luật hình sự, các Nghị Quyết, Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan đến công tác nghiệp vụ, Quy chế của ngành để áp dụng vào thực tiễn. Nâng cao ý thức, trách nhiệm hành động vì mục đích chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án trong sạch, vững mạnh là một yêu cầu quan trọng hiện nay. Tuy nhiên do những hạn chế, bất cập về chế độ chính sách, đặc biệt là chế độ tiền lương đối với cán bộ, Thẩm phán còn thấp nên các Tòa án đang gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng, quản lý, giáo dục cán bộ và tạo nguồn Thẩm phán. Việc quy định Thẩm phán có mức lương tương đương với cán bộ công chức hành chính là bất hợp lý, không phù hợp với vị trí, vai trò của Thẩm phán trong xã hội và trách nhiệm rất cao của Thẩm phán trong hoạt động tư pháp. Cần sớm đề nghị Nhà nước sửa đổi chế độ tiền lương và ban hành các chính sách ưu đãi khác cho phù hợp với đặc thù về tính chất và trách nhiệm nghề nghiệp của Thẩm phán và cán bộ công chức Tòa án, giúp các Tòa án có điều kiện thu hút, tuyển chọn những người có trình độ đồng thời động viên, khuyến

khích Thẩm phán, cán bộ, công chức yên tâm công tác, giữ gìn đạo đức, lối sống và sự liêm chính của người cán bộ Tòa án.

3.2.6. Xây dựng và hoàn thiện các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp

Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp có ý nghĩa quan trọng trong giải quyết các vụ hình sự nói chung và việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nói riêng. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp đã bổ sung, cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ quan trọng có giá trị chứng minh làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án, ví dụ: Kết quả giám định khoa học kỹ thuật hình sự, kết luận giám định pháp y, kết luận giám định pháp y tâm thần... là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án xem xét đánh giá, xác định có hay không có hành vi phạm tội, tội danh, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, căn cứ để áp dụng các biện pháp tư pháp cần thiết khác cũng như để đánh giá việc điều tra, truy tố có đảm bảo tính khách quan, đầy đủ và toàn diện không. Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả giải quyết các vụ án hình sự, chất lượng của quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, vì vậy việc xây dựng và hoàn thiện tổ chức, hoạt động hỗ trợ tư pháp ở thành phố Hải Phòng là hết sức cần thiết.

Thời gian vừa qua, tại Hải Phòng, về cơ bản hoạt động này đã phát huy được vai trò của mình, đặc biệt là trong việc giải quyết, xét xử các vụ án xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, vi phạm an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự hành chính góp phần đáng kể để các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cải cách tư pháp trong tình hình mới.

Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động hỗ trợ tư pháp mà đặc biệt là giám định tư pháp còn bộc lộ những hạn chế, bất cập cả về cách thức áp dụng cũng như hiệu quả của việc trưng cầu, sử dụng kết quả của các hoạt động hỗ trợ này trong tố tụng hình sự, gây ảnh hưởng đến chất lượng của việc giải quyết vụ án. Để khắc phục vấn đề này, trước mắt cần thực hiện ngay những giải pháp sau:

Thứ nhất: Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và tổ chức giám định để xác định căn cứ, thẩm quyền và thời điểm trưng cầu giám định pháp y trong tố tụng hình sự.

Thứ hai: Thống nhất về mặt bằng đánh giá, xác định kết quả giám định, chuẩn hóa các căn cứ kết luận giám định, hạn chế đến mức thấp nhất sự mâu thuẫn giữa kết luận giám định của các tổ chức giám định, các lần giám định về cùng một vấn đề cần giám định.

Thứ ba: Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, sơ, tổng kết về hoạt động giám định pháp y trong tố tụng hình sự để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm, phát huy hiệu quả đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập của công tác này.

Thứ tư: Kiến nghị với các cơ quan Trung ương, kịp thời chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới những văn bản quy chuẩn về giám định pháp y, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận chương 3

Trên đây là các giải pháp bảo đảm hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Mặc dù các giải pháp này chưa thật sự cụ thể, nhiều nội dung còn mang nặng tính lý luận, hình thức. Tuy nhiên với sự hiểu biết nhất định của mình tác giả đã cố gắng nêu ra và hy vọng sẽ phần nào giúp ích cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nói riêng và toàn quốc nói chung, qua đó có thể triển khai chi tiết hơn nữa các giải pháp nêu trên dù chỉ là một phần nhỏ và ứng dụng vào thực tiễn quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình, góp phần đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay và hướng đến năm 2020.

KẾT LUẬN

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự là một hình thức cụ thể của áp dụng pháp luật, trong đó Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trong thời hạn chuẩn bị xét xử hoặc Hội đồng xét xử tại phiên tòa, khi có các căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, ra quyết định trả lại hồ sơ vụ án hình sự cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Việc thực hiện trả hồ sơ điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm nếu chính xác sẽ góp phần quan trọng vào việc giải quyết vụ án được kịp thời, triệt để toàn diện và khách quan. Ngược lại nếu quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung không căn cứ theo quy định của pháp luật sẽ làm cho quá trình giải quyết vụ án bị kéo dài gây lãng phí thời gian, công sức tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của TAND thành phố Hải Phòng trong thời gian vừa qua đã phát huy những tác dụng quan trọng đối với công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, ổn định trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện để thành phố phát triển nhanh, bền vững xứng đáng là thành phố cảng, công nghiệp, hiện đại, là một trọng điểm kinh tế biển, một trung tâm thương mại lớn của cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của TAND thành phố Hải Phòng cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập nhất định do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, cần được phân tích làm rõ để từ đó có những giải pháp khắc phục mang tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động này, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng về những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND thành phố Hải Phòng thời gian vừa qua; tìm hiểu về các nguyên nhân dẫn đến việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung cũng như các tồn tại trong việc ban hành các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tác giả luận văn đã nêu ra quan điểm và đề xuất những giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật đúng đắn trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trong thời gian tới. Những kết quả nghiên cứu của luận văn đã góp phần bổ sung một cách có hệ thống về mặt lý luận, phục vụ yêu cầu thực tiễn trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung nói riêng của ngành TAND trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.

Để hoàn thành luận văn, ngoài tâm huyết và nỗ lực của mình, tác giả đã nhận được sự hướng dẫn hết sức tận tình của PGS. TS Cao Thị Oanh, sự hỗ trợ giúp đỡ to lớn của bạn bè, đồng nghiệp. Tuy nhiên, vì đây là một đề tài nghiên cứu phức tạp, bên cạnh đó, thời gian, phạm vi và khả năng nghiên cứu có giới hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học và bạn bè, đồng nghiệp để luận văn được hoàn chỉnh hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
3. Bộ Chính trị (2003), *Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 05/8/2003 về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
5. Đại học Luật Hà Nội (1994) *Giáo trình tố tụng Hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
6. Nguyễn Minh Đức (2003), “*Một số ý kiến về việc áp dụng quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*”, Tạp chí Toà án nhân dân, số 6 tháng 3/2003.
7. Nguyễn Văn Hải (2014) *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện khoa học xã hội
8. Dương Phạm Anh Khoa (2014) *Trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện khoa học xã hội.
9. Vũ Gia Lâm (2003), “*Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung*”, Tạp chí Toà án nhân dân, số 8 tháng 4/2013.
10. Nguyễn Quang Lộc (2013), “*Bàn về chế định Trả hồ sơ để điều tra bổ sung*”, Tạp chí Toà án nhân dân, số 8 tháng 4/2013.

11. Mai Văn Lưu (2008), “*Cần xem xét lại quy định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong quan hệ với việc tăng cường tính khách quan, sự độc lập của hoạt động xét xử*”, Tạp chí Kiểm sát, số 6/2008.
12. Mai Văn Lưu (2010), “*Bàn về quy định: “Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung” trong điều kiện cải cách tư pháp*”, Tạp chí Kiểm sát, số 11/2010.
13. Nguyễn Phúc Lưu (2006), “*Bàn về việc trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung*”, Tạp chí Kiểm sát, số 11/2006.
14. Nguyễn Hải Phong (2011), “*Nguyên nhân và biện pháp để hạn chế tình trạng trả hồ sơ vụ án giữa các cơ quan tiến hành tố tụng*”, Tạp chí Kiểm sát, số 4/2011.
15. Đinh Văn Qué (2006) *Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 14/2006.
16. Quốc hội nước CHXHCNVN (1992), *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Quốc hội nước CHXHCNVN (2013), *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
18. Quốc hội nước CHXHCNVN (1999), *Bộ luật Hình sự năm 1999*.
19. Quốc hội nước CHXHCNVN (2014), *Luật tổ chức TAND 2014*
20. Quốc hội nước CHXHCNVN (1988), *Bộ luật Tố tụng Hình sự*.
21. Quốc hội nước CHXHCNVN (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự*.
22. Quốc hội nước CHXHCNVN (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự*.
23. Tòa án Nhân dân Tối cao (2005), *Báo cáo tổng kết bốn năm thực hiện Nghị quyết số: 08-NQ/TW của Ban cán sự Đảng TANDTC*, Hà Nội.
24. Tòa án Nhân dân Tối cao (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003*.

25. Tòa án Nhân dân Tối cao (2005), *Các văn bản quy phạm pháp luật của TANDTC hướng dẫn thi hành pháp luật*, Hà Nội.
26. Tòa án nhân dân Tối cao (1990) *Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng*, Hà Nội.
27. Tòa án Nhân dân Thành phố Hải Phòng (2011-2015), *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
28. *Tổng quan về Hải Phòng (2013)*, trang Web www.haiphong.gov.vn.
29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008) *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Trường Đào tạo các chức danh tư pháp (2002), *Sổ tay thẩm phán*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
31. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Công an – Tòa án nhân dân Tối cao (2010), *Thông tư liên tịch số 01/2010/ TTLT – VKSNDTC –BCA-TANDTC ngày 27/8 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Hà Nội.
32. Võ Khánh Vinh (1996), *Quyết định hình phạt trong tố tụng hình sự Việt nam, Tội phạm học, Luật hình sự; Luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội